BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**

------o0o------

**A close up of a sign

Description automatically generated**

CÔNG TRÌNH THAM DỰ

GIẢI THƯỜNG “SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC” CẤP TRƯỜNG

NĂM 2019 – 2020

Tên công trình:

**THỰC TRẠNG LẬP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Mã đề tài: KQ3.01

Nhóm sinh viên nghiên cứu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên sinh viên | Giới tính | Lớp, Khóa | Tel |
| 1. Phạm Thị Bích | Nữ | Kế toán K62 | 0988530757 |
| 1. Nguyễn Huyền Trang | Nữ | Kế toán K62 | 0399896616 |
| 1. Lê Thị Huyền | Nữ | Kế toán K62 | 0971324142 |
| 1. Nguyễn Thị Hằng | Nữ | Kế toán K62 | 0965175026 |
| 1. Nguyễn Thị Liên | Nữ | Kế toán K62 |  |

Khoa/ Viện: Viện Kinh tế và Quản lý.

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Phương Dung

Hà Nội – tháng 5 năm 2020

**MỤC LỤC**

[**LỜI CẢM ƠN** iii](#_Toc40983188)

[**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT** iv](#_Toc40983189)

[**DANH MỤC BẢNG** v](#_Toc40983190)

[**DANH MỤC BIỂU ĐỒ** vi](#_Toc40983191)

[**TÓM TẮT** 1](#_Toc40983192)

[**I.** **ĐẶT VẤN ĐỀ** 2](#_Toc40983193)

[**II.** **NỘI DUNG** 4](#_Toc40983194)

[**CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU.** 4](#_Toc40983195)

[**1.** **Cơ sở lý luận.** 4](#_Toc40983196)

[**1.1.** **Định nghĩa Báo cáo Phát triển bền vững.** 4](#_Toc40983197)

[**1.2.** **Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu GRI và Tiêu chuẩn GRI**. 4](#_Toc40983198)

[**1.2.1.** **Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu GRI.** 4](#_Toc40983199)

[**1.2.2.** **Tiêu chuẩn GRI.** 5](#_Toc40983200)

[**1.2.2.1.** **Các hướng dẫn GRI: Hướng dẫn G4 và sự khác biệt giữa Hướng dẫn G4 với G3.** 5](#_Toc40983201)

[**1.2.2.2.** **Cấu trúc Bộ tiêu chuẩn GRI – phiên bản nâng cấp từ GRI G4.** 6](#_Toc40983202)

[**1.2.2.3.** **Nội dung chi tiết của Bộ tiêu chuẩn GRI.** 7](#_Toc40983203)

[**1.2.2.4.** **Những điểm mới của Tiêu chuần GRI so với hướng dẫn GRI G4** 14](#_Toc40983204)

[**1.2.2.5.** **Lợi ích của Tiêu chuẩn GRI trong việc lập Báo cáo phát triển bền vững.** 16](#_Toc40983205)

[**1.3.** **Quy trình lập Báo cáo Phát triển bền vững theo Tiêu chuẩn GRI.** 16](#_Toc40983206)

[**1.4.** **Ưu và nhược điểm của lập Báo cáo Phát triển bền vững.** 16](#_Toc40983207)

[**1.4.1.** **Ưu điểm của lập BCPTBV.** 16](#_Toc40983208)

[**1.4.2.** **Nhược điểm của lập BCPTBV.** 17](#_Toc40983209)

[**1.5.** **Lợi ích của việc lập BCPTBV.** 17](#_Toc40983210)

[**2.** **Tổng quan nghiên cứu** 18](#_Toc40983211)

# **LỜI CẢM ƠN**

Lời đầu tiên, nhóm nghiên cứu chúng em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến TS. Nguyễn Thị Phương Dung. Trong quá trình thực hiện bài nghiên cứu này, chúng em đã nhận được sự hướng dẫn tận tình, tâm huyết của cô, giúp đỡ nhóm hoàn thành báo cáo nghiên cứu khoa học với đề tài: ***“Thực trạng lập Báo cáo Phát triển bền vững của các công ty niêm yết tại Việt Nam”****.*

Do còn nhiều hạn chế về kỹ năng và kinh nghiệm nên trong quá trình hoàn thành bài nghiên cứu, chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm nghiên cứu chúng em rất mong nhận được những góp ý, đánh giá để báo cáo của nhóm được hoàn thiện hơn.

***Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn!***

# **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. BCPTBV | : Báo cáo Phát triển bền vững |
| 1. VN | : Việt Nam |
| 1. BCTN | : Báo cáo Thường niên |

# **DANH MỤC BẢNG**

# **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

**MÃ ĐỀ TÀI: KQ3.01**

THỰC TRẠNG LẬP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Sinh viên:* | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phạm Thị Bích** | Kế toán | K62 | | **Nguyễn Huyền Trang** | Kế toán | K62 | | **Lê Thị Huyền** | Kế toán | K62 | | **Nguyễn Thị Hằng** | Kế toán | K62 | | **Nguyễn Thị Liên** | Kế toán | K62 | |
| *Giáo viên hướng dẫn:* | |  | | --- | | **TS. Nguyễn Thị Phương Dung** | |
| *Viện Kinh tế và Quản lý* | |

**TÓM TẮT**

Trên thế giới, báo cáo phát triển bền vững (BCPTBV) đã được lập bởi rất nhiều công ty như một công cụ để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (PTBV) của mình. BCPTBV giúp công ty đo lường và công bố những tác động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đối với các khía cạnh kinh tế, môi trường và xã hội đồng thời giúp công ty thiết lập các chiến lược cho sự PTBV trong tương lai. GRI được thành lập tại Boston vào năm 1997 và Bộ Tiêu chuẩn GRI là phiên bản mới nhất của nguyên tắc BCPTBV phát hành vào năm 2016, chính thức có hiệu lực đối với các báo cáo được lập từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 trở đi, được coi là bộ hướng dẫn phổ biến nhất về lập BCPTBV trên thế giới. Tuy nhiên, ở Việt Nam (VN) số lượng công ty lập BCPTBV nói chung và dựa trên Bộ Tiêu chuẩn GRI nói riêng vẫn còn rất hạn chế. Vì vậy, nội dung chủ yếu của bài viết này nhằm nghiên cứu Tiêu chuẩn GRI, từ đó phân tích thực trạng lập BCPTBV của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán VN từ năm 2016 – 2018 theo Tiêu chuẩn GRI. Kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng các công ty niêm yết lập BCPTBV theo Tiêu chuẩn GRI còn rất ít, hầu hết các báo cáo mới chỉ tập trung vào một số Tiêu chuẩn như GRI 102, GRI 200, GRI 400 và có sự khác biệt rõ nét ở mức độ công bố thông tin giữa các ngành nghề. Đồng thời, dựa trên thực trạng công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI trên BCPTBV của các công ty trên, từ đó rút ra một số giải pháp và kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng BCPTBV của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán VN.

**Từ khóa:** Báo cáo phát triển bền vững (BCPTBV), Tiêu chuẩn GRI, công ty niêm yết, VN.

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Phát triển bền vững (PTBV) đang là mối quan tâm hàng đầu trên phạm vi toàn cầu. Vấn đề PTBV đã được đề cập ở nhiều khu vực, đồng thời được triển khai nghiên cứu ở nhiều quốc gia trên thế giới. Nếu như trước đây, các công ty và nhà đầu tư chỉ quan tâm đến vấn đề làm thế nào để gia tăng lợi nhuận, thì ngày nay bên cạnh mục tiêu lợi nhuận thì trong quá trình kinh doanh, họ cần phải quan tâm đến vấn đề môi trường và xã hội. Những thông tin liên quan đến tác động đến kinh tế, môi trường và xã hội sẽ trình bày trên báo cáo được gọi là Báo cáo phát triển bền vững (BCPTBV). Báo cáo là công cụ để đo lường, ghi nhận và công bố các mục tiêu và trách nhiệm của công ty hướng tới sự PTBV.

1. **Lý do chọn đề tài.**

Ở nhiều nước trên thế giới việc công bố BCPTBV đã trở thành thông lệ phổ biến với số lượng và tỷ lệ tăng trưởng báo cáo trên phạm vi toàn cầu. Theo Khảo sát của KPMG về Báo cáo trách nhiệm doanh nghiệp năm 2017, có đến 75% trong số 250 công ty lớn nhất thế giới có BCPTBV sử dụng GRI, 63% trong số 100 công ty lớn nhất ở 49 quốc gia có BCPTBV sử dụng GRI.

Tuy nhiên, hầu như các công ty Việt Nam (VN) mới chỉ công bố kết hợp báo cáo PTBV – đây là một nội dung được quy định trong việc thực hiện Báo cáo thường niên (BCTN) đối với công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán theo Thông tư 155/2015/TT – BTC của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ đầu năm 2016), tuy nhiên các nội dung này còn chưa theo bất kỳ chuẩn mực nào nên thiếu những nội dung rất cơ bản như thông tin liên hệ, phạm vi báo cáo, đối tượng sử dụng báo cáo,… Hoặc có những nội dung tương đối đầy đủ nhưng lại không xác nhận chuẩn mực mà công ty sử dụng làm cơ sở cho báo cáo. Bên cạnh đó, rất ít báo cáo có đặt mục tiêu cho các chỉ tiêu báo cáo hoặc chỉ có những thông tin mang tính chất định tính, chưa có quy trình quản trị hữu hiệu để đảm bảo tính tin cậy của các công ty và rất ít công ty có xác nhận độc lập.

Tiêu chuẩn GRI được cấu trúc thành một bộ các tiêu chuẩn có liên quan với nhau để các công ty sử dụng nhằm báo cáo các tác động của công ty về các khía cạnh kinh tế, môi trường và xã hội. Một báo cáo theo tiêu chuẩn GRI có thể được lập riêng như là một BCPTBV độc lập.

Theo tìm hiểu của nhóm nghiên cứu, hiện nay ở VN các nghiên cứu đi sâu vào phân tích bức tranh thực trạng về công bố thông tin PTBV của các công ty niêm yết trên thị trường VN còn nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

Cụ thể như mức độ công bố thông tin PTBV nói chung tại các công ty niêm yết còn khá thấp hay mức độ công bố thông tin chi tiết theo từng nhóm chủ đề về PTBV của các công ty niêm yết còn thấp hoặc so sánh về mức độ công bố thông tin qua BCPTBV giữa các nhóm ngành kinh doanh còn khá nhiều sự khác biệt.

*Đó chính là lý do để nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài : “Phân tích thực trạng lập BCPTBV của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán VN”*

1. **Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu.**

Mục tiêu chính của bài nghiên cứu này là nghiên cứu thực trạng lập BCPTBV của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán VN mà đã trình bày theo tiêu chuẩn GRI. Đề tài cung cấp các phân tích chuyên sâu về thực trạng lập BCPTBV theo Tiêu chuẩn GRI cũng như làm rõ mức độ công bố thông tin BCPTBV của các công ty VN trên cơ sở Tiêu chuẩn GRI.

Bài nghiên cứu sẽ tập trung vào các câu hỏi nghiên cứu như sau:

1. Sự khác nhau giữa hướng dẫn GRI G3 và hướng dẫn GRI G4, Tiêu chuẩn GRI – phiên bản nâng cấp có sự khác biệt với những phiên bản GRI trước đó như thế nào?
2. Mức độ công bố thông tin PTBV nói chung và mức độ công bố thông tin chi tiết theo từng nhóm chủ đề PTBV của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán hiện nay tại VN theo Tiêu chuẩn GRI như thế nào?
3. Sự khác biệt về mức độ công bố thông tin qua BCPTBV giữa các nhóm ngành kinh doanh khác nhau trong các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán VN như thế nào?
4. **Phạm vi nghiên cứu của đề tài.**

Bài nghiên cứu khảo sát và tổng hợp 15 công ty lập BCPTBV theo Tiêu chuẩn GRI trong 3 năm từ năm 2016 đến năm 2018 bao gồm các công ty có BCPTBV riêng hoặc tích hợp với BCTN từ 3 năm trở lại.

Phạm vi của bài nghiên cứu tập trung phân tích và so sánh mức độ công bố thông tin theo GRI 102, GRI 103, GRI 200, GRI 300 và GRI 400 của 15 công ty niêm yết trên trong 3 năm 2016 – 2018. GRI 101 nêu lên các yêu cầu cần có đối với những tổ chức chọn sử dụng báo cáo tuân theo GRI. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã tiến hành xem xét, đối chiếu, so sánh các BCPTBV của 15 công ty niêm yết từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá và so sánh sẽ trình bày ở phần tiếp theo.

1. **Phương pháp nghiên cứu.**

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài nghiên cứu đó là phương pháp tổng hợp tài liệu, phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh, phân tích chuyên sâu.

1. **Đóng góp của đề tài.**

Bài nghiên cứu cung cấp các phân tích về mức độ công bố thông tin PTBV nói chung tại các công ty niêm yết ở VN hiện nay theo Bộ tiêu chuẩn GRI mới nhất.

Bài nghiên cứu nêu lên được các quy trình lập báo cáo dựa theo khung BCPTBV của Sáng kiến GRI và những lợi ích quan trọng để góp phần giúp BCPTBV trở thành phổ biến, có chất lượng cao hơn. Bên cạnh đó, việc khảo sát những công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán có truyền thống quản trị tốt là minh họa có giá trị cho các doanh nghiệp khác học hỏi để việc lập BCPTBV trở nên phổ biến và dễ dàng hơn với nhiều công ty tại Việt Nam.

1. **Kết cấu bài nghiên cứu.**

Bài nghiên cứu gồm 3 phần chính:

Phần I: Đặt vấn đề.

Phần II: Nội dung gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và Tổng quan nghiên cứu.

Chương 2: Thực trạng công bố BCPTBV theo Tiêu chuẩn GRI tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán VN.

Chương 3: Bài học kinh nghiệm và giải pháp.

Phần III: Kết luận.

1. **NỘI DUNG**

# **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU.**

1. **Cơ sở lý luận.**
   1. **Định nghĩa Báo cáo Phát triển bền vững.**

Theo báo cáo “Tương lai của chúng ta” của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới – WCED với ý nghĩa trước đây, phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu riêng của họ (Báo cáo Brundtland, UN, 1987). Nói cách khác, PTBV phải đảm bảo có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, giữ gìn. Để đạt được điều này, tất cả các thành phần kinh tế - xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội…phải bắt tay nhau thực hiện nhằm mục đích dung hòa 3 lĩnh vực chính: kinh tế - xã hội – môi trường.

Theo GRI G4, BCPTBV theo tiêu chuẩn GRI là việc một tổ chức báo cáo công khai về các tác động kinh tế, môi trường, xã hội và do đó sự đóng góp của nó – tích cực hoặc tiêu cực – hướng tới mục tiêu PTBV. Thông qua quá trình này, một tổ chức nhận diện các tác động đáng kể đối với nền kinh tế, môi trường, xã hội và công bố những tác động theo tiêu chuẩn được chấp nhận toàn cầu. (GRI 2015).

Như vậy, BCPTBV là một báo cáo được công bố bởi một công ty hoặc một tổ chức về các tác động kinh tế, môi trường và xã hội gây ra bởi hoạt động hàng ngày. Một BCPTBV trình bày các giá trị và mô hình quản trị của tổ chức thể hiện mối quan hệ giữa chiến lược và các cam kết của tổ chức đối với một nền kinh tế bền vững.

Với mục đích nâng cao khả năng so sánh toàn cầu và chất lượng thông tin về những tác động về kinh tế, môi trường và xã hội của tổ chức, Bộ Tiêu chuẩn về lập BCPTBV do GSSB (Global Sustainability Standards Board) ban hành đã tạo ra một cơ sở và thước đo chung cho các tổ chức và các bên liên quan có thể lập BCPTBV để truyền đạt và hiểu rõ những tác động trên của tổ chức. BCPTBV theo Tiêu chuẩn GRI là nền tảng chính để truyền đạt mục tiêu PTBV một cách cân bằng và hợp lý.

BCPTBV cung cấp cho các bên liên quan sự hiểu biết về các chỉ số hoạt động then chốt, năng lực quản lý rủi ro và các cam kết đối với PTBV, đồng thời giúp theo dõi, đánh giá hoạt động doanh nghiệp theo thời gian. Sự minh bạch thông qua báo cáo giúp cho việc định hướng PTBV của công ty, giúp tổ chức quản lý sự thay đổi, xác định các giải pháp cải thiện và tối ưu việc sử dụng nguồn lực, truyền thông và đảm bảo giấy phép hoạt động của tổ chức.

Theo Hội nghị Liên hợp quốc về PTBV RIO+ 20: “Tương lai chúng ta mong muốn nêu bật vai trò quan trọng của BCPTBV của các công ty, kêu gọi các công ty xem xét tích hợp thông tin bền vững vào chu kỳ báo cáo, khuyến khích các hành động thúc đẩy thực hành BCPTBV dựa trên các cam kết đã thông qua tại Hội nghị thượng đinh của Liên Hợp quốc cho trách nhiệm về môi trường và xã hội”.

* 1. **Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu GRI và Tiêu chuẩn GRI**.
     1. **Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu GRI.**

GRI là một tổ chức quốc tế và độc lập để giúp đỡ doanh nghiệp, chính phủ và tổ chức hiểu được cũng như công bố mức độ ảnh hưởng của việc kinh doanh đến các vấn đề PTBV cấp thiết như: biến đổi khí hậu, chống tham nhũng và các vấn đề khác. Đã có nhiều Tiêu chuẩn tầm cỡ quốc tế làm cơ sở tham chiếu cho các công ty lập BCPTBV như hướng dẫn của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu GRI (Global Reporting Initiative), Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế IFRS (International Financial Reporting Standards), Chuẩn mực kế toán công Quốc tế IPSASB (International Public Sector Accounting Standards), Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Tài chính FASB (Financial Accounting Standards Board), Tổ chức Tài chính quốc tế IFC (International Finance Corporation)… Tuy nhiên, BCPTBV lập theo hướng dẫn GRI đang được các công ty trên toàn thế giới áp dụng vì tính hữu ích, đầy đủ và thuận tiện triển khai.

* + 1. **Tiêu chuẩn GRI.**

Tiêu chuẩn GRI là phiên bản mới nhất của Nguyên tắc BCPTBV được phát hành vào năm 2016. Sự ra đời của Tiêu chuẩn GRI như là sự phát triển của hướng dẫn G4, chính thức có hiệu lực đối với báo cáo được lập từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 trở đi và khuyến khích áp dụng sớm hơn. Mục đích mà Tiêu chuẩn GRI hướng tới là giúp các công ty chuẩn bị báo cáo một cách chuyên nghiệp và hướng tới sự bền vững, đảm bảo sự minh bạch hơn đối với các tác động kinh tế, môi trường và xã hội.

Tiêu chuẩn GRI là một chuẩn mực chung được chấp nhận rộng rãi trên toàn cầu tạo ra một ngôn ngữ chung cho các tổ chức và các bên liên quan mà thông qua đó, các tác động của tổ chức được công bố và đánh giá.

* + - 1. **Các hướng dẫn GRI: Hướng dẫn G4 và sự khác biệt giữa Hướng dẫn G4 với G3.**

Hướng dẫn GRI G4 nhấn mạnh vào nhu cầu của các tổ chức cần tập trung vào quy trình báo cáo về các chủ đề quan trọng đối với công ty và các bên liên quan chính. Sự tập trung này giúp các báo cáo phù hợp hơn, tin cậy hơn và thân thiện hơn đối với người sử dụng báo cáo. Hướng dẫn G4 cung cấp một khuôn khổ phù hợp toàn cầu để hỗ trợ việc tiếp cận báo cáo được chuẩn hóa, minh bạch và nhất quán từ đó giúp cho thông tin trở nên hữu ích và đáng tin cậy đối với thị trường và xã hội. Đồng thời, G4 cũng đưa ra các hướng dẫn để trình bày công bố theo các định dạng báo cáo khác nhau như báo cáo tích hợp, báo cáo thường niên và đưa ra các Tiêu chuẩn toàn cầu được công nhận rộng rãi về thông tin PTBV có trong báo cáo tổng hợp.

*Cấu trúc và định dạng của GRI G4 gồm 2 phần riêng biệt:*

Nguyên tắc báo cáo và công bố Tiêu chuẩn: Trong tài liệu này, ngoài việc chứa các Tiêu chuẩn mà báo cáo công bố, phần này cũng đặt ra các tiêu chí mà tổ chức mà một tổ chức áp dụng để lập BCPTBV theo hướng dẫn GRI.

Hướng dẫn thực hiện: Tài liệu này hướng dẫn triển khai, cung cấp lời khuyên và các đề xuất chi tiết để báo cáo theo Tiêu chuẩn.

**Bảng 1: So sánh hướng dẫn GRI G3 và hướng dẫn GRI G4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **GRI G3** | **GRI G4** |
| Phạm vi báo cáo | Vẫn cho phép một cách tiếp cận giảm thiểu phạm vi hợp pháp dựa trên cấu trúc sở hữu | Yêu cầu định nghĩa phạm vi báo cáo dựa trên các tác động cơ bản  Trong G4, các tổ chức được yêu cầu xác định và mô tả nơi xảy ra tác động đối với từng khía cạnh trọng yếu của báo cáo. Khi thiết lập phạm vi, một tổ chức nên xem xét các tác động cả bên trong và bên ngoài tổ chức |
| Chỉ tiêu | Các chỉ tiêu được phân thành chỉ tiêu cốt lõi và chỉ tiêu bổ sung | Tất cả các chỉ tiêu đều bình đẳng |
| Sự thiếu sót một số chỉ tiêu | Được cho là chấp nhận được | Hạn chế tối đa việc thiếu sót một số chỉ tiêu cũng như không cho phép bất kỳ thiếu sót nào mà không có lý do chính đáng. Chỉ có 4 trường hợp cụ thể được cho phép (chỉ tiêu không áp dụng, lý do tại sao, sự ràng buộc bảo mật do bị pháp luật ngăn cản và không có sẵn dữ liệu với tham chiếu cho đến khi công ty dự kiến có sẵn dữ liệu |
| Bổ sung chỉ tiêu đặc điểm theo ngành nghề | Bổ sung chỉ tiêu đặc điểm theo ngành nghề | Các yêu cầu cốt lõi và toàn diện hơn, nên bổ sung tất cả các chỉ tiêu ngành nghề từ khi bắt đầu báo cáo đầu báo cáo. |

*(Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

*Các công bố chuẩn mực mới trong GRI G4.*

* Công bố thông tin về phương pháp tiếp cận quản trị.
* Báo cáo tổ chức đã quản lý các khía cạnh trọng yếu và các yếu tổ tác động như thế nào.
* Báo cáo về phương pháp tiếp cận quản trị.
* Công khai CM chuỗi cung ứng.
* Công khai các CM quản trị.
* Đạo đức nghề nghiệp và công khai CM liêm chính.
* Công khai CM chống tham nhũng.
* Công khai CM về phát thải GHG và năng lượng.

Có thể nói, G4 đã nổi bật về tính trọng yếu. Nhằm hỗ trợ công ty thực hiện chiến lược kinh doanh cốt lõi, G4 đã đặt khái niệm về tính trọng yếu ở trung tâm của BCPTBV nhằm khuyến khích các công ty báo cáo chỉ đưa ra thông tin về vấn đề thực sự quan trọng để đạt được mục tiêu của công ty về PTBV và quản lý tác động đối với môi trường và xã hội. BCPTBV hiệu quả không chỉ đơn thuần là tập hợp dữ liệu hoặc thực hiện tính tuân thủ mà giúp các công ty đạt được các mục tiêu liên quan trực tiếp đến vấn đề cốt lõi của công ty.

* + - 1. **Cấu trúc Bộ tiêu chuẩn GRI – phiên bản nâng cấp từ GRI G4.**

Vào ngày 19 tháng 10 năm 2016, Tiêu chuẩn GRI được công bố sẽ dần thay thế hướng dẫn GRI G4 về BCPTBV. Các hướng dần GRI G4 về BCPTBV hiện là khuôn khổ được sử dụng rộng rãi nhất thế giới bởi hàng ngàn tổ chức tại rất nhiều quốc gia. Chuẩn mực GRI được xây dựng trên sự thành công này của G4 và dựa trên nội dung chính của G4, vì vậy các tổ chức báo cáo muốn theo Tiêu chuẩn GRI mới sẽ không gặp khó khăn nhiều khi áp dụng, tuy nhiên một số khái niệm, yêu cầu báo cáo, cấu trúc và định dạng có sự thay đổi, điều này cần lưu ý đối với các tổ chức báo cáo đang sử dụng hướng dẫn GRI G4.

Sự thay đổi dễ thấy nhất trong việc nâng cấp lên Tiêu chuẩn GRI là quyết định tái cấu trúc các hướng dẫn bao gồm 3 chuẩn mực chung và 33 chuẩn mực cụ thể theo chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội (cấu trúc của Tiêu chuẩn GRI được nhóm nghiên tổng hợp ở Bảng 2, 3, 4). Các Tiêu chuẩn này được lập ra chủ yếu để được sử dụng kết hợp nhằm giúp các tổ chức lập BCPTBV dựa trên các Nguyên tắc Báo cáo và chú trọng vào các chủ đề trọng yếu. Việc lập BCPTBV theo Tiêu chuẩn GRI chứng tỏ rằng báo cáo đó mô tả đầy đủ và cân đối về các chủ đề trọng yếu của tổ chức và các tác động liên quan, cũng như cách thức quản lý những tác động.

Tổ chức xây dựng BCPTBV có thể chọn sử dụng một số Tiêu chuẩn GRI, hoặc một phần nội dung của Tiêu chuẩn để báo cáo thông tin theo chủ đề, với điều kiện là các Tiêu chuẩn liên quan được tham chiếu chính xác.

* + - 1. **Nội dung chi tiết của Bộ tiêu chuẩn GRI.**

1. **Tiêu chuẩn tổng thể GRI 100: Được áp dụng với tất cả các tổ chức.**

***Tiêu chuẩn GRI 101: Tiêu chuẩn cơ sở.***

Tiêu chuẩn này là cơ sở xuất phát điểm để sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI. Phần 1 của Tiêu chuẩn này trình bày các nguyên tắc báo cáo để xác định nội dung báo cáo. Những nguyên tắc này là cơ sở để giúp tổ chức xác định những thông tin đưa vào BCPTBV và cách đảm bảo chất lượng thông tin. Nguyên tắc báo cáo được chia làm 2 nhóm là nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo và nguyên tắc để xác định chất lượng báo cáo.

**Bảng 3: Nguyên tắc Báo cáo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đặc điểm** | **Yêu cầu báo cáo** |
| **Nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo**    Giúp tổ chức quyết định đưa nội dung nào vào trong báo cáo. Điều này bao gồm việc xem xét các hoạt động, tác động của tổ chức, và lợi ích và kỳ vọng thực sự của các bên liên quan của tổ chức. | Sự tham gia của các bên liên quan | Tổ chức cần nhận diện các bên liên quan,và giải thích rõ tổ chức đã đáp ứng các lợi ích và kỳ vọng hợp lý của họ |
| Bối cảnh PTBV | Báo cáo cần trình bày hiệu quả hoạt động của tổ chức báo cáo trong bối cảnh rộng hơn về PTBV |
| Tính trọng yếu | Báo cáo cần phải đề cập đến các chủ đề:  Phản ánh tác động đáng kể về mặt kinh tế, xã hội, môi trường của tổ chức báo cáo hoặc ảnh hưởng lớn đến sự đánh giá và quyết định của các bên liên quan. |
| Tính đầy đủ | Báo cáo cần phải bao gồm các chủ đề trọng yếu và Phạm vi của các chủ đề đó, đủ để phản ánh các tác động đáng kể về kinh tế, môi trường và xã hội, và cho phép các bên liên quan đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức báo cáo trong kỳ báo cáo. |
| **Nguyên tắc để xác định chất lượng báo cáo**  Hướng dẫn các lựa chọn để đảm bảo chất lượng thông tin trong BCPTBV, bao gồm việc trình bày thông tin một cách đúng đắn. Chất lượng thông tin là điều quan trọng để cho phép các bên liên quan đưa ra đánh giá đúng đắn và hợp lý về tổ chức và thực hiện hành động thích hợp | Tính chính xác | Thông tin báo cáo cần phải đủ chính xác và chi tiết để các bên liên quan đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức báo cáo. |
| Tính cân đối | Thông tin báo cáo cần phải phản ánh các khía cạnh tích cực và tiêu cực trong hiệu quả hoạt động của tổ chức báo cáo để cho phép đánh giá có cơ sở về hiệu quả hoạt động tổng thể. |
| Tính rõ ràng | Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp thông tin theo cách có thể hiểu được và có thể tiếp cận được để bên liên quan sử dụng thông tin đó. |
| Khả năng có thể so sánh | Tổ chức báo cáo cần phải lựa chọn, tổng hợp và báo cáo thông tin một cách nhất quán. Thông tin báo cáo cần phải được trình bày theo cách thức cho phép các bên liên quan phân tích những thay đổi trong hiệu quả hoạt động của tổ chức theo thời gian, và có thể hỗ trợ việc phân tích liên quan đến các tổ chức khác. |
| Tính đáng tin cậy | Tổ chức báo cáo cần phải thu thập, lưu giữ, tổng hợp, phân tích, và báo cáo thông tin và các quy trình sử dụng để lập báo cáo theo cách sao cho các thông tin và quy trình đó có thể được kiểm tra, và đảm bảo chất lượng và tính trọng yếu của thông tin. |
| Tính kịp thời | Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo theo lịch trình thường xuyên sao cho thông tin sẵn có kịp thời để các bên liên quan đưa ra quyết định dựa trên thông tin đầy đủ. |

*(Nguồn: GRI sustainbility report 2016)*

Phần 2: Quy định quy trình cơ bản để lập BCPTBV sử dụng Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức muốn tuyên bố rằng BCPTBV của mình đã được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI. Những yêu cầu này hướng dẫn tổ chức báo cáo trong suốt quá trình BCPTBV.

Phần 3: Đưa ra tuyên bố liên quan đến việc sử dụng Tiêu chuẩn GRI.

Có hai phương pháp cơ bản để sử dụng Tiêu chuẩn GRI:

1. Sử dụng Tiêu chuẩn GRI như một bộ Tiêu chuẩn để BCPTBV tuân theo Tiêu chuẩn này.
2. Sử dụng Tiêu chuẩn được lựa chọn, hoặc một phần nội dung của nó, để báo cáo thông tin cụ thể.
3. ***GRI 102: Công bố Thông tin chung.***

GRI 102 bao gồm 56 chỉ tiêu về công bố thông tin theo Tiêu chuẩn chung. Những thông tin này bao gồm thông tin về hồ sơ, chiến lược, đạo đức và sự chính trực, quản trị của doanh nghiệp, thông lệ báo cáo và sự tham gia của các bên liên quan. Đây là những nội dung tổng thể liên quan đến ngành nghề, chiến lược kinh doanh, quy mô, tổ chức, sản phẩm và cách thức tiếp cận của tổ chức đối với vấn đề PTBV.

**Bảng 2: GRI 102 Công bố thông tin theo CM chung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Công bố thông tin** | **Nội dung** |
| **Hồ sơ tổ chức** | 102-1 | Tên tổ chức |
| 102-2 | Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ |
| 102-3 | Địa điểm của trụ sở chính |
| 102-4 | Địa điểm hoạt động |
| 102-5 | Quyền sở hữu và hình thức pháp lý |
| 102-6 | Các thị trường phục vụ |
| 102-7 | Quy mô của tổ chức |
| 102-8 | Thông tin về nhân viên và người lao động khác |
| 102-9 | Chuỗi cung ứng |
| 102-10 | Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức |
| 102-11 | Phương pháp hoặc Nguyên tắc Phòng ngừa |
| 102-12 | Các sáng kiến bên ngoài |
| 102-13 | Quyền hội viên trong các hiệp hội |
| **Chiến lược** | 102-14 | Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao |
| 102-15 | Các tác động, rủi ro và cơ hội chính |
| 102-16 | Các giá trị, nguyên tắc, chuẩn mực của hành vi |
| 102-17 | Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức |
| **Quản trị** | 102-18 | Cơ cấu quản trị |
| 102-19 | Phân cấp thẩm quyền |
| 102-20 | Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội |
| 102-21 | Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội |
| 102-22 | Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban |
| 102-23 | Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất |
| 102-24 | Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất |
| 102-25 | Xung đột lợi ích |
| 102-26 | Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược |
| 102-27 | Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất |
| 102-28 | Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất |
| 102-28 | Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất |
| 102-29 | Nhận diện và quản lý các tác động kinh kế, môi trường và xã hội |
| 102-30 | Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro |
| 102-31 | Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội |
| 102-32 | Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập BCPTBV |
| 102-33 | Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách |
| 102-34 | Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách |
| 102-35 | Chính sách về thù lao |
| 102-36 | Quy trình xác định mức thù lao |
| 102-37 | Sự tham gia của bên liên quan vào việc xác định thù lao |
| 102-38 | Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm |
| 102-39 | Tỷ lệ của phần trăm gia tăng trong tổng thù lao hàng năm |
| **Sự tham gia của các bên liên quan** | 102-40 | Danh sách các nhóm liên quan |
| 102-41 | Các thỏa ước thương lượng tập thể |
| 102-42 | Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan |
| 102-43 | Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan |
| 102-44 | Các mối quan ngại và chủ đề chính |
| **Thông lệ báo cáo** | 102-45 | Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất |
| 102-46 | Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề |
| 102-47 | Danh mục các chủ đề trọng yếu |
| 102-48 | Trình bày lại thông tin |
| 102-49 | Các thay đổi trong báo cáo |
| 102-50 | kỳ báo cáo |
| 102-51 | Ngày của báo cáo gần nhất |
| 102-52 | Chu kỳ báo cáo |
| 102-53 | Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo |
| 102-54 | Tuyên bố lập báo cáo tuân theo CM GRI |
| 102-55 | Mục lục GRI |
| 102-56 | Bảo đảm độc lập của bên thứ ba |

*(Nguồn: GRI sustanbility report 2016)*

1. **GRI 103: Công bố thông tin theo phương pháp quản trị.**

Bao gồm toàn bộ các Tiêu chuẩn hướng dẫn công bố thông tin về phương pháp quản lý của doanh nghiệp nói chung về vấn đề PTBV và đối với riêng các lĩnh vực trọng yếu.

*Yêu cầu chung đối với báo cáo Phương pháp quản trị:*

Nếu công bố thông tin về Phương pháp Quản trị được kết hợp cho một nhóm các chủ đề trọng yếu, thì tổ chức báo cáo cần phải nêu rõ những chủ đề nào được đề cập trong mỗi công bố thông tin. Nếu không có Phương pháp Quản trị cho một chủ đề trọng yếu thì tổ chức báo cáo cần phải mô tả: bất kỳ kế hoạch nào để thực thi Phương pháp Quản trị; hoặc lý do tại sao không có Phương pháp Quản trị.

**Bảng 3: GRI 103 Công bố thông tin theo phương pháp quản trị**

|  |  |
| --- | --- |
| **Công bố thông tin** | **Nội dung** |
| **103 – 1** | Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề |
| **103 – 2** | Phương pháp Quản trị và các hợp phần |
| **103 – 3** | Đánh giá về Phương pháp Quản trị |

*(Nguồn: GRI sustanbility report 2016)*

1. **Tiêu chuẩn theo từng chủ đề: GRI 200 (Chủ đề Kinh tế), GRI 300 (Chủ đề Môi trường), GRI 400 (Chủ đề Xã hội).**

Tiêu chuẩn này áp dụng có lựa chọn tùy theo tổ chức.

Chủ đề GRI 200, GRI 300, GRI 400 bao gồm nhiều Tiêu chuẩn chủ đề. Những Tiêu chuẩn chủ đề này được dùng để báo cáo tác động kinh tế, môi trường và xã hội của tổ chức.

**Bảng 4: Công bố thông tin theo từng chủ đề**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Tiêu chuẩn** | **Công bố thông tin** | **Nội dung** |
| **GRI 200: Chủ đề Kinh tế** | **GRI 201: Hiệu quả Kinh tế** | 201-1 | Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ |
| 201-2 | Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu |
| 201-3 | Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác |
| **GRI 202: Sự hiện diện trên Thị trường** | 202-1 | Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng |
| 202-2 | Tỷ lệ thành viên ban lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương |
| **GRI 203: Tác động Kinh tế Gián tiếp** | 203-1 | Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ |
| 203-2 | Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu |
| **GRI 204: Thông lệ mua sắm** | 204-1 | Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương |
| **GRI 205: Chống tham nhũng** | 205-1 | Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng |
| 205-2 | Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng |
| 205-3 | Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý |
| **GRI 206: Hành vi cản trở cạnh tranh** | 206-1 | Các chế tài đối với hành vi cản trở cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền |
| **GRI 300: Chủ đề Môi trường** | **GRI 301: Vật liệu** | 301 – 1 | Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng |
| 301 – 2 | Vật liệu tái chế đã được sử dụng |
| 301 – 3 | Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm |
| **GRI 302: Năng lượng** | 302 – 1 | Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức |
| 302 – 2 | Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức |
| 302 – 3 | Cường độ sử dụng Năng lượng |
| 302 – 4 | Giảm tiêu hao năng lượng |
| 302 – 5 | Giảm tiêu hao năng lượng  Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ |
| **GRI 303: Nước** | 303 – 1 | Lượng nước đầu vào theo nguồn |
| 303 – 2 | Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào |
| 303 – 3 | Tuần hoàn và tái sử dụng nước |
| **GRI 304: Đa dạng sinh học** | 304 – 1 | Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn |
| 304 – 2 | Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học |
| 304 – 3 | Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động |
| **GRI 305: Phát thải** | 305 – 1 | Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1) |
| 305 – 2 | Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) |
| 305 – 3 | Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3) |
| 305 – 4 | Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG) |
| 305 – 5 | Giảm phát thải khí nhà kính (GHG) |
| 305 – 6 | Phát thải chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS) |
| 305 – 7 | Nitrogen oxides (NOX), sulfur oxides (SOX), và các phát thải khí đáng kể khác |
| **GRI 306: Nước thải và chất thải** | 306 – 1 | Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm |
| 306 – 2 | Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý |
| 306 – 3 | Sự cố tràn đáng kể |
| 306 – 4 | Vận chuyển chất thải nguy hại |
| 306 – 5 | Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi việc thải nước và/hoặc dòng nước thải |
| **GRI 307: Tuân thủ về Môi trường** | 307 – 1 | Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường |
| **GRI 308: Đánh giá Nhà cung cấp về Môi trường** | 308 – 1 | Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường |
| 308 – 2 | Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện |
| **GRI 400: Chủ đề xã hội** | **GRI 401: Việc làm** | 401 – 1 | Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc |
| 401 – 2 | Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian |
| 401 – 3 | Nghỉ thai sản |
| **GRI 402: Mối quan hệ lao động/ quản lý** | 402 – 1 | Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động |
| **GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp** | 403 – 1 | Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động |
| 403 – 2 | Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc |
| 403 – 3 | Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp |
| 403 – 4 | Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn |
| **GRI 404: Giáo dục và đào tạo** | 404 – 1 | Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên |
| 404 – 2 | Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp |
| 404 – 3 | Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp |
| **GRI 405: Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng** | 405 – 1 | Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên |
| 405 – 2 | Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới |
| **GRI 406: Không- Phân biệt đối xử** | 406 – 1 | Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới  Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện |
| **GRI 407: Tự do lập hội/ Quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể** | 407 – 1 | Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/ quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro |
| **GRI 408: Lao động trẻ em.** | 408 – 1 | Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em |
| **GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc** | 409 – 1 | Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc |
| **GRI 410: Thông lệ về an ninh** | 410 – 1 | Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách liên quan đến quyền con người |
| **GRI 411: Quyền của người bản địa** | 411 – 1 | Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa |
| **GRI 412: Đánh giá quyền con người** | 412 – 1 | Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động |
| 412 – 2 | Đào tạo nhân viên các quy trình hoặc chính sách về quyền con người |
| 412 – 3 | Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền con người hoặc đã được đánh giá sơ bộ về quyền con người |
| **GRI 413: Cộng đồng địa phương** | 413 – 1 | Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển |
| 413 – 2 | Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương |
| **GRI 414: Đánh giá nhà cung cấp về mặt xã hội** | 414 – 1 | Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về mặt xã hội |
| 414 – 2 | Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện |
| **GRI 415: Chính sách công** | 415 – 1 | Đóng góp chính trị |
| **GRI 416: Sức khỏe và an toàn của khách hàng** | 416 – 1 | Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ |
| **GRI 417: Tiếp thị và nhãn hiệu** | 417 – 1 | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ |
| 417 – 2 | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ |
| 417 – 3 | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị |
| **GRI 418: Quyền bảo mật thông tin của khách hàng** | 418 – 1 | Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng |
| **GRI 419: Tuân thủ về Kinh tế - Xã hội** | 419 – 1 | Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội |

*(Nguồn: GRI sustanbility report 2016)*

* + - 1. **Những điểm mới của Tiêu chuần GRI so với hướng dẫn GRI G4**

**Bảng 5: Điểm mới của Tiêu chuẩn GRI so với hướng dẫn GRI G4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đặc điểm** | **Những điểm mới được làm rõ** |
| Về Tiêu chuẩn | GRI 101  Tiêu chuẩn cơ sở | *Làm rõ nội dung*  Các hậu quả đối với tổ chức liên quan đến tác động đến nền kinh tế, môi trường, xã hội ví dụ các rủi ro đối với mô hình kinh doanh hoặc danh tiếng của tổ chức.  *Các chủ để trọng yếu không thuộc phạm vi Tiêu chuẩn GRI.*  Tất cả các chủ đề trọng yếu được bao gồm trong một báo cáo theo quy định.  *Sử dụng công bố theo ngành nghề.*  Hiện tại khuyến nghị (không bắt buộc), để xác định chủ đề trọng yếu.  *Lựa chọn sử dụng và tham chiếu theo Tiêu chuẩn:* Sử dụng Tiêu chuẩn đã chọn (với yêu cầu tham chiếu GRI): cho phép linh hoạt hơn nhưng cần hiểu và tham chiếu chính xác.  Cốt lõi và toàn diện: Yêu cầu như nhau nhưng một vài chỉ tiêu đã được làm rõ. |
| GRI 102  Công bố chuẩn mực chung | Công bố thông tin được lựa chọn đã được sửa đổi hoặc đơn giản hóa.  Mội vài nội dung được tổ chức lại. |
| GRI 103  Phương pháp quản trị | Gồm phương pháp tiếp cận quản trị chung DMA có nội dung từ G4  Chủ đề sửa đổi từ G4: Các công bố ranh giới và nội dung cơ chế khiếu nại.  Yêu cầu bổ sung chi tiết trên báo cáo nếu một số Tiêu chuẩn được sử dụng (ví dụ chính sách, cam kết,…)  Đối với mỗi chủ đề không thuộc Tiêu chuẩn GRI thì bắt buộc phải báo cáo theo GRI 103. |
| Một số thuật ngữ và thay đổi cách đánh số chỉ tiêu |  | *Một số thuật ngữ của G4 đã được đơn giản hóa:*  “Chỉ số” -> “Công bố” (bao gồm cả công bố định tính và định lượng)  “Khía cạnh” -> “Chủ đề”  “Phương pháp tiếp cận quản trị chung DMA” -> “Công bố phương pháp quản trị”  *Thay đổi cách đánh số theo chỉ tiêu*  Ví dụ Công bố thông tin G4 – 10 thành 102 – 8 hay công bố thông tin G4 – EN15 thành 305 – 1,… |
| Cấu trúc mô – đun mới |  | Tiêu chuẩn GRI được tổ chức như một tập hợp các Tiêu chuẩn mô – đun, liên quan với nhau. Các Tiêu chuẩn tập hợp nội dung từ cả Hướng dẫn G4 và Hướng dẫn triển khai của G4. |
| Định dạng sửa đổi với các yêu cầu rõ ràng hơn |  | Định dạng mới có sự phân biệt rõ ràng giữa các yêu cầu (được biểu thị bằng 'sẽ'), các đề xuất (được biểu thị bằng 'nên') và hướng dẫn đi kèm. |
| Làm rõ nội dung |  | Các khái niệm và công bố chính từ G4 đã được Tiêu chuẩn GRI làm rõ hơn để cải thiện sự hiểu biết và áp dụng các Tiêu chuẩn (ví dụ: cách xác định Ranh giới chủ đề, cách báo cáo về các chủ đề không được nêu trong Bộ Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ 'nhân viên' / 'công nhân'). |
| Tính linh hoạt và minh bạch hơn trong cách sử dụng |  | Các tổ chức chuẩn bị báo cáo theo Tiêu chuẩn GRI cũng như những người sử dụng Tiêu chuẩn GRI sẽ được chọn Tiêu chuẩn để báo cáo thông tin cụ thể. |
| Tái cấu trúc / di dời nội dung được chọn |  | Một số “công bố” và “Các khía cạnh” từ G4 đã được hợp nhất hoặc tích hợp vào các phần khác để giảm trùng lặp và nâng cao tính logic. Tất cả đã được quy chuẩn vào Bộ Tiêu chuẩn GRI |
| Tăng tính thân thiện với người dùng |  | Tiêu chuẩn GRI chú trọng để tăng khả năng tiếp cận và dễ sử dụng Tiêu chuẩn, với thuật ngữ đơn giản hóa và cấu trúc logic hơn. Một trong những cải tiến đáng chú ý là sự phân biệt rõ ràng và nhất quán giữa các yêu cầu (nội dung bắt buộc), các khuyến nghị (nội dung mong muốn) và các hướng dẫn (thông tin cơ bản). |
| Công bố báo cáo theo ngành |  | Công bố cụ thể theo ngành không còn bắt buộc phải tuân theo. Các công bố của ngành được khuyến khích sử dụng như một hướng dẫn cho việc xác định chủ các chủ đề tài liệu và báo cáo tương ứng. |

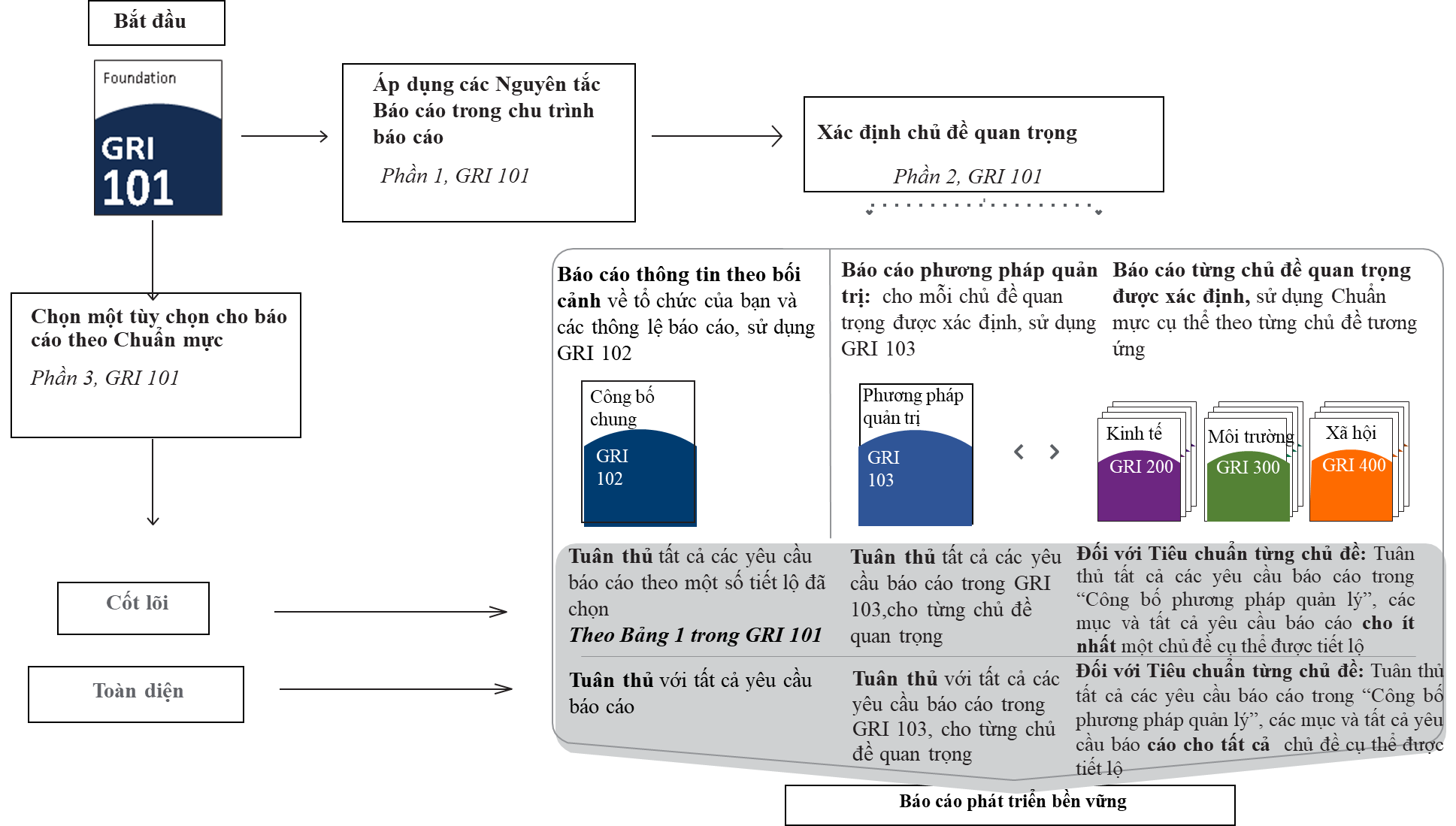
*(Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

Như vậy, các chỉ tiêu trong Tiêu chuẩn GRI là phiên bản được nâng cấp từ hướng dẫn GRI G4 và được cấu trúc lại nhằm giúp các doanh nghiệp thực hiện báo cáo thuận tiện, minh bạch và hiệu quả hơn thông qua việc tăng cường so sánh và chất lượng của các thông tin về PTBV. Tiêu chuẩn GRI tương thích với phạm vi và Tiêu chuẩn toàn cầu về công bố thông tin PTBV và minh bạch hóa các tác động về kinh tế, xã hội và môi trường để từ đó đồng nhất phương thức truyền đạt giữa các công ty với bên liên quan.

* + - 1. **Lợi ích của Tiêu chuẩn GRI trong việc lập Báo cáo phát triển bền vững.**

Lợi ích của Tiêu chuẩn GRI bao gồm:

1. Giúp các công ty trên toàn thế giới hiểu và truyền đạt tác động của họ đối với các vấn đề bền vững như biến đổi khí hậu, nhân quyền, quản trị và phúc lợi xã hội. BCPTBV được phát triển với sự đóng góp của các bên liên quan và bắt nguồn từ lợi ích chung.
2. Các chủ để liên quan đến nhau, công bố trên một phạm vi rộng các chỉ tiêu bền vững từ chống tham nhũng, đa dạng sinh học đến sức khỏe và an toàn, nghề nghiệp,… giúp công ty dễ dàng chọn một trong các chỉ tiêu để báo cáo về tác động của họ.
3. Sử dụng Tiêu chuẩn GRI giúp các công ty có thể minh bạch cách họ áp dụng các công cụ quốc tế cho trách nhiệm doanh nghiệp như Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc về Kinh doanh và Nhân quyền. Điều này phù hợp với thực tiễn hiện nay giúp công ty quản lý và công bố các tác động.
4. Các tiêu chuẩn GRI được cập nhật thường xuyên các vấn đề mới và cập nhật các chủ đề hiện có. Điều này giúp các tổ chức đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của các bên liên quan và cơ quan quản lý cho sự PTBV.
   1. **Quy trình lập Báo cáo Phát triển bền vững theo Bộ Tiêu chuẩn GRI.**



*(Nguồn: GRI 2016)*

* 1. **Ưu và nhược điểm của lập Báo cáo Phát triển bền vững.**
     1. **Ưu điểm của lập BCPTBV.**

Việc thực hiện BCPTBV đem lại những ưu điểm lớn cho các công ty báo cáo thông qua việc tập trung vào chiến lược dài hạn, hoạt động quản lý và lập kế hoạch, tăng nhận thức về những rủi ro và cơ hội, giám sát tốt hơn và tăng cường tính minh bạch.

BCPTBV giúp công ty tạo lập và phát triển thị trường. Việc báo cáo hướng đến các bên liên quan trong thị trường vốn và thị trường tài chính giúp công ty gặt hái được nhiều thành quả đổi mới toàn diện giúp tạo nên giá trị trên thị trường.

Thông qua việc các công ty công bố BCPTBV công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của công ty trong các hoạt động cụ thể nhằm PTBV từ đó tạo nên uy tín công ty trên thị trường. Báo cáo giúp công ty ưu hóa các hoạt động, tăng lợi thế cạnh tranh trong nhiều ngành nghề giúp cho chuỗi cung ứng của công ty hướng đến giá trị bền vững.

Báo cáo tạo nên tiềm năng tăng trưởng lớn cho các công ty. Việc lập báo cáo giúp công ty tạo đà cho sự phát triển bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng để khai thác cơ hội to lớn trên thị trường tài chính.

Báo cáo tạo nên kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững hiệu quả. Việc lập BCPTBV giúp công ty có thêm thông tin để hiểu tác động kinh tế, môi trường và xã hội của mình, từ đó đưa ra quyết định đúng đắn trong kinh doanh đồng thời thu hút nguồn vốn đầu tư từ các nhà đầu tư có trách nhiệm với PTBV. Quá trình xác định các khía cạnh bền vững và lập BCPTBV giúp công ty cân nhắc được lợi ích từ các bên liên quan, nhận biết rủi ro và cơ hội kinh doanh, từ đó chuẩn bị xu thế phát triển mới, phân cấp trách nhiệm và cải tiến hệ thống quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các nhà đầu tư và đặc biệt là các tổ chức quốc tế đang tìm kiếm ngày càng nhiều công bố thông tin phi tài chính từ các công ty để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của công ty mà họ đang đầu tư, vì vậy việc lập BCPTBV góp một phần giúp công ty hướng đến thành công trong việc tìm kiếm cổ đông đồng thời giúp cổ phiếu hấp dẫn các nhà đầu tư.

* + 1. **Nhược điểm của lập BCPTBV.**

Bên cạnh những ưu điểm thì việc lập BCPTBV có một số nhược điểm như sau:

1. Theo Gond&Moon, (2012) đã chỉ ra rằng có sự khác biệt trong việc lập BCPTBV. Nếu duy trì việc lập BCPTBV là không bắt buộc, phụ thuộc vào sự lựa chọn, tự nguyện của tổ chức thì không có thẩm quyền xử phạt một tổ chức vì sự không tuân thủ. Một tổ chức có thể tự phát hành khung báo cáo riêng của mình để báo cáo tính bền vững nhưng trong trường hợp có bất kỳ sai sót nào thì sẽ không có hình phạt đối với sự sai sót đó của tổ chức báo cáo.
2. Theo VBSCD, (2015) chỉ ra rằng: “ Có một thực trạng lớn các công ty vẫn không biết sự PTBV của họ tác động ra sao. Hàng ngàn công ty lớn của nhiều quốc gia lập BCPTBV vẫn cần nhiều thời gian để hoàn thiện. Theo thống kê của EU, có khoảng 18000 công ty thừa nhận sự thiếu sót này.
3. Một số chỉ trích về BCPTBV như, không chính xác, không có sự khác biệt, không đo lường được số lượng, không liên quan đến rủi ro tài chính hoặc hiệu quả kinh doanh, không rõ ràng hoặc không đủ tầm nhìn. Nhưng thực chất về cơ bản, BCPTBV không chỉ giúp một công ty xác định rủi ro và cụ thể hóa được cơ hội kinh doanh bền vững, mà còn giúp các cơ quan quản lý tốt và giúp thị trường nhận được một luồng thông tin chất lượng ổn định để đưa ra các chính sách, quy định và quyết định đầu tư quan trọng.
4. Một nhu cầu cấp thiết là phải có sự giám sát và phân tích độc lập về chất lượng của BCPTBV. Có rất ít cơ sở để đánh giá tính chính xác cũng như phạm vi của các thông tin từ báo cáo, vì vậy rất khó để đánh giá đầy đủ và đúng đắn về các tác động của công ty thông qua BCPTBV.

Như vậy, bên cạnh những ưu điểm vượt trội mà BCPTBV đem lại thì vẫn còn tồn tại một số nhược điểm cần khắc phục. Chính vì vậy, nhiệm vụ chung của toàn cầu cần hướng đến là đưa ra và thực hiện các giải pháp phù hợp trong việc lập BCPTBV.

* 1. **Lợi ích của việc lập BCPTBV.**

Theo GRI, lập BCPTBV có 2 lợi ích chính cho bất kỳ tổ chức nào như sau:

*Lợi ích bên trong.*

* Gia tăng sự hiểu biết về rủi ro và cơ hội.
* Nhấn mạnh mối liên kết giữa hiệu quả tài chính và phi tài chính.
* Đóng góp trong việc xây dựng chiến lược và chính sách quản lý dài hạn cũng như kế hoạch kinh doanh.
* Hợp lý hóa quy trình, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả.
* Chuẩn mực và việc đánh giá hiệu quả bền vững liên quan đến luật pháp, quy tắc, tiêu chuẩn thực hiện và các sáng kiến tự nguyện.
* Giảm thiểu sự thất bại trong việc công khai các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị.
* So sánh hiệu quả trong nội bộ, hiệu quả giữa các tổ chức và ngành.

*Lợi ích bên ngoài.*

* Giảm thiểu hoặc thay đổi tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và quản trị.
* Cải thiện danh tiếng và lòng trung thành.
* Cho phép các bên liên quan bên ngoài hiểu được giá trị của tổ chức và các tài sản hữu hình và vô hình.
* Chứng minh cách tổ chức ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi những kỳ vọng về sự PTBV.

1. **Tổng quan nghiên cứu**

Trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển đã có nhiều tác giả thực hiện nghiên cứu các vấn đề liên quan đến BCPTBV của công ty.

Nghiên cứu của Burhan và Rahmanti, (2012), đã kiểm tra mối liên hệ giữa BCPTBV nói chung và từng yếu tố của BCPTBV nói riêng với hiệu quả hoạt động của công ty. Đối tượng nghiên cứu là các BCPTBV tương ứng với hiệu quả hoạt động của 32 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Indonesia trong giai đoạn 2006-2009. Sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI làm cơ sở để đo lường mức độ công bố thông tin trong báo cáo, đồng thời là thước đo hiệu quả kinh tế ROA, kết quả cho thấy chỉ tiêu xã hội trong BCPTBV có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động của công ty. Chính vì vậy, việc cải thiện mức độ công bố BCPTBV sẽ giúp cải thiện hiệu quả tài chính của công ty.

Theo Kolk J.E, (2004), BCPTBV có thể chưa phản ánh đúng hành động của các công ty, và độ tin cậy không cao. Đối tượng nghiên cứu là các BCPTBV trong một cuộc khảo sát được thực hiện ở đầu những năm 1990. Bằng cách phân tích những phát triển mới trong phần nội dung của các BCPTBV, tập trung vào các khía cạnh như: phản hồi của các bên liên quan, sự đo lường hiệu quả kinh doanh. Bài nghiên cứu chỉ ra rằng một báo cáo được kiểm toán không đảm bảo được rằng dữ liệu của nó và tất cả nội dung của nó đã được kiểm tra kỹ lưỡng và hoàn toàn đáng tin cậy. Và các Tiêu chuẩn GRI chưa thực sự giải quyết được vấn đề trên, vì chưa có sự kiểm chứng thông tin từ BCPTBV.

Nghiên cứu của Carbach và Fisher, (2017), đã chỉ ra những thách thức và lợi ích của BCPTBV tại trường học, từ đó đề ra hướng đi mới cho báo cáo này trong tương lai. Nghiên cứu khảo sát các sinh viên của 10 trường học công lập đầu tiên tại Đức có công bố BCPTBV đạt chuẩn bằng một bảng câu hỏi. Liệt kê và phân tích cụ thể các kết quả thu được, cho thấy lợi ích của BCPTBV là góp phần tăng cường sự tham gia của sinh viên trong các hoạt động ở trường, cung cấp hướng dẫn và định hướng để các trường khắc phục những mặt chưa tốt, đồng thời ghi nhận thành tích đã thực hiện được và duy trì những thành tích đó trong các khóa học mới. Tuy nhiên, quá trình còn gặp nhiều khó khăn trong việc đầu tư về mặt thời gian và thu thập dữ liệu. Bên cạnh đó, các giáo viên phải đảm nhiệm nhiều công việc hơn cũng như sinh viên còn thiếu sự hỗ trợ từ giáo viên cũng là những thách thức lớn của quá trình báo cáo.

Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Phương Dung và cộng sự, (2019), đã làm sáng tỏ thực trạng và tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng BCPTBV của các công ty niêm yết tại Việt Nam. Bằng cách phân tích, so sánh mức độ công bố thông tin theo chỉ tiêu của 10 công ty Việt Nam đã công bố BCPTBV đạt chuẩn dựa trên Bộ Tiêu chuẩn GRI năm 2017. Nghiên cứu đã tìm thấy sự khác biệt lớn giữa các công ty về mức độ công bố thông tin theo GRI, các công ty thiếu sự nhất quán cũng như công bố chưa đầy đủ thông tin theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Ngoài ra, nhận thấy rằng Chính phủ đóng vai trò quan trọng nhất trong việc phát triển BCPTBV, vì vậy giải pháp đưa ra là Chính phủ Việt Nam nên ban hành tốt hơn hướng dẫn về tính nhất quán của công bố thông tin trong các BCPTBV cho công ty niêm yết trong tương lai. Bên cạnh đó, các công ty niêm yết nên hiểu và công bố đầy đủ thông tin nhằm nâng cao chất lượng BCPTBV của các công ty.

Theo Kasim, (2015), BCPTBV là một công cụ hỗ trợ trong việc nội bộ hóa tổ chức và là cam kết PTBV cho tất cả các bên liên quan ở trong và ngoài doanh nghiệp. Đối tượng nghiên cứu là các BCPTBV năm 2013 dựa trên hướng dẫn GRI 3.1. Báo cáo sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả và so sánh với báo cáo phi tài chính và nội dung trong bốn khu vực pháp lý. Bằng cách phân tích các BCPTBV của năm 2013 gồm 72 công ty niêm yết hàng đầu, được công bố trên trang web GRI từ Ấn Độ; Đức, Thổ Nhĩ Kỳ và Brazil. Nghiên cứu đã tìm ra mối tương quan mạnh mẽ giữa các chỉ số tài chính, chẳng hạn như các chỉ số công khai GRI cho bốn khu vực pháp lý của các công ty, nhằm tìm hiểu xem BCPTBV có thể ảnh hưởng tích cực đến kết quả của công ty như thế nào.

Có thể thấy, các nghiên cứu mới chỉ tập trung vào một số chỉ tiêu nên vẫn còn khoảng trống nhất định cho các nghiên cứu khác ở Việt Nam. Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu quyết định lựa chọn đề tài này.

Như vậy, BCPTBV là một trong những báo cáo quan trọng nhất được công bố hàng năm bởi nhiều công ty trên thế giới. Một số quốc gia đặt ra các yêu cầu bắt buộc về lập BCPTBV như Úc, Brazin, Ấn Độ,..., trong khi đó một số quốc gia bao gồm cả VN, hiện không có bất kỳ quy định nào về vấn đề này. Hiện nay, một số công ty ở VN với chiến lược PTBV lâu dài đã tự nguyện công bố BCPTBV như Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty cổ phần sữa Vinamilk,… Văn bản pháp lý đầu tiên yêu cầu công bố thông tin về PTBV của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán là TT số 155/2015/TT – BTC, Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2016 và các công ty cần phải công bố BCPTBV từ năm 2015.

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG LẬP BCPTBV THEO TIÊU CHUẨN GRI TẠI CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.**

Phạm vi của bài nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu chủ yếu phân tích và so sánh các phần GRI 102 (56 chỉ tiêu), GRI 103 (3 chỉ tiêu), GRI 200 (13 chỉ tiêu), GRI 300 (30 chỉ tiêu) và GRI 400 (34 chỉ tiêu). Tổng cộng có 136 chỉ tiêu được xét đến trong bài.

Từ năm 2016 đến năm 2018 có 15 công ty niêm yết đã công bố BCPTBV hàng năm dựa trên Tiêu chuẩn GRI riêng hoặc tích hợp với BCTN. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát các BCPTBV của 15 công ty trên đã lập ở bảng 6.

**Bảng 6: Danh sách 15 công ty niêm yết khảo sát**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã Chứng khoán (CK) | Tên Công ty | Sàn | Ngành |
| 1 | BVH | Tập đoàn Bảo Việt | HOSE | Tài chính và bảo hiểm |
| 2 | VNM | CTCP Sữa Việt Nam | HOSE | Sản xuất thực phẩm |
| 3 | SSI | CTCP Chứng Khoán SSI | HOSE | Tài chính và Bảo Hiểm |
| 4 | DHG | CTCP Dược Hậu Giang | HOSE | Sản xuất hóa chất và dược phẩm |
| 5 | PNJ | CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận | HOSE | Sản xuất sản phẩm kim loại tổng hợp |
| 6 | PAN | CTCP Tập đoàn PAN | HOSE | Sản xuất thực phẩm |
| 7 | STB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | HOSE | Tài chính và bảo hiểm |
| 8 | VCS | Công ty cổ phần VICOSTONE | HOSE | Sản xuất khoáng chất phi kim |
| 9 | TRA | Công ty Cổ phần Traphaco | HOSE | Sản xuất hóa chất và dược phẩm |
| 10 | STK | Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ | HOSE | Sản xuất sợi tơ tổng hợp |
| 11 | BID | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | HOSE | Tài chính và bảo hiểm |
| 12 | NVL | CTCP Tập đoàn đầu tư địa ốc novoland | HOSE | Xây dựng và bất động sản |
| 13 | BSC | Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | HOSE | Tài chính và Bảo Hiểm |
| 14 | REE | Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh | HOSE | Tổ hợp công nghệ |
| 15 | HQC | CTCP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ địa ốc Hoàng Quân | HOSE | Bất động sản |

* 1. **Mức độ công bố thông tin của 15 công ty niêm yết từ năm 2016 – 2018 dựa trên Tiêu chuẩn GRI**

Bảng 7: Tỷ lệ công bố thông tin của 15 công ty niêm yết trên tổng chỉ tiêu theo Bộ Tiêu chuẩn GRI

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã CK | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
| Chỉ tiêu  (136) | Phần trăm | Chỉ tiêu (136) | Phần trăm | Chỉ tiêu (136) | Phần trăm |
| 1 | BVH | 103 | 76% | 103 | 76% | 97 | 71% |
| 2 | VNM | 106 | 78% | 100 | 74% | 97 | 71% |
| 3 | SSI | 31 | 23% | 37 | 27% | 37 | 27% |
| 4 | DHG | 87 | 64% | 99 | 73% | 106 | 78% |
| 5 | PNJ | 92 | 68% | 97 | 71% | 94 | 69% |
| 6 | PAN | 82 | 60% | 77 | 57% | 91 | 67% |
| 7 | STB | 68 | 50% | 49 | 36% | 50 | 37% |
| 8 | VCS | 67 | 49% | 61 | 45% | 84 | 62% |
| 9 | TRA | 63 | 46% | 68 | 50% | 74 | 54% |
| 10 | STK | 58 | 43% | 58 | 43% | 108 | 79% |
| 11 | BID | 81 | 60% | 85 | 63% | 54 | 40% |
| 12 | NVL | 59 | 43% | 79 | 58% | 79 | 58% |
| 13 | BSC | 42 | 31% | 42 | 31% | 48 | 35% |
| 14 | REE | 56 | 41% | 56 | 41% | 56 | 41% |
| 15 | HQC | 47 | 35% | 47 | 35% | 48 | 35% |

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

Trên số liệu của 15 công ty mà nhóm nghiên cứu thu thập được trong 3 năm 2016, 2017, 2018, có thể thấy các công ty đang công bố ngày càng nhiều thông tin theo Tiêu chuẩn GRI, tuy nhiên vẫn còn khoảng cách khá lớn về số thông tin được công bố giữa các công ty. Cụ thể:

Năm 2016, VNM dẫn đầu với tỉ lệ công bố tổng chỉ tiêu là 78%. Xếp thứ hai là BVH với 76%, năm 2016 BVH là công ty đầu tiên có báo cáo áp dụng Tiêu chuẩn GRI, báo cáo cụ thể hóa các định hướng chiến lược PTBV thành những việc làm cụ thể như gắn chặt chẽ hơn các yếu tố môi trường, xã hội, quản trị trong quy trình đầu tư góp vốn cổ phần và quản lý dự án. Tuy nhiên sẽ tốt hơn nếu BVH có thể mở rộng việc áp dụng tiêu chí PTBV cho tất cả các hoạt động chính của mình. Bốn công ty khác cũng có mức công bố chỉ tiêu trên 50% là DHG, PNJ, PAN và BID, đều thuộc nhóm những công ty có chỗ đứng nhất định ở thị trường trong nước. Báo cáo PAN đáp ứng tương đối đầy đủ tiêu chí yêu cầu của Tiêu chuẩn GRI. DHG đã làm tốt việc tham chiếu các bên liên quan cũng như thực hiện đánh giá trọng yếu, tuy nhiên báo cáo nên cung cấp thêm số liệu đối với lĩnh vực trọng yếu được lựa chọn. Ngoài ra, đa số công ty còn lại đều có mức công bố chỉ tiêu thấp dưới 50%, gồm có SSI, STB, VCS, TRA, STK, NVL, BSC, REE và HQC. Trong đó, SSI là công ty có mức công bố tổng số chỉ tiêu thấp nhất 23%, SSI là một công ty về chứng khoán nên các nhân tố ảnh hưởng tới môi trường là không đáng kể, vì vậy SSI đã không đề cập tới những chỉ tiêu này trong báo cáo của mình. Có thể thấy trong năm 2016, một số công ty đã đón đầu xu thế PTBV và có sự chú trọng trong việc công bố các chỉ tiêu theo Tiêu chuẩn GRI, mức công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI không chỉ phụ thuộc vào khả năng của công ty mà còn chịu tác động từ lĩnh vực mà công ty đang kinh doanh.

Năm 2017, VNM giảm mức công bố chỉ tiêu xuống còn 74% đứng thứ ba trên tổng số 15 công ty. VNM đã thực hiện tốt từ bước đánh giá các bên liên quan, đánh giá tính trọng yếu cho đến việc nêu rõ phạm vi báo cáo. Tuy nhiên, báo cáo của VNM được lập theo Tiêu chuẩn GRI nhưng lại không chỉ rõ theo lựa chọn nào “cốt lõi” hay “toàn diện”. BVH tiếp tục giữ nguyên mức công bố chỉ tiêu là 76% dẫn đầu các công ty trong năm 2017, BVH đã tích hợp các nội dung báo cáo theo Tiêu chuẩn GRI. DHG và NVL tăng đáng kể mức công bố tổng chỉ tiêu, cụ thể DHG tăng 9% lên 73%, NVL tăng 15% lên 58%, cho thấy sự thành công trong chính sách cũng như bắt kịp xu hướng của hai công ty này. DHG công bố khá đầy đủ các chỉ tiêu về môi trường và xã hội theo Tiêu chuẩn GRI. Báo cáo của NVL thể hiện rõ ràng và chặt chẽ vấn đề liên quan đến đánh giá trọng yếu, đánh giá các bên liên quan cũng như phạm vi báo cáo. Ngoài ra, một số công ty khác cũng tăng mức công bố chỉ tiêu lên từ 3 đến 4% so với năm 2016 là SSI, PNJ, PAN, TRA, BID. SSI đã cụ thể hóa chiến lược đầu tư có trách nhiệm bao gồm việc đánh giá các chỉ tiêu ESG (Môi trường, Kinh tế, Quản trị). BCPTBV của PAN được đề cử giải “Tin cậy”, ngoài việc có đánh giá khách quan của các bên độc lập, hệ thống quản lý tiên tiến như ISO, HACCP, Global GAP,… thì PAN cũng công bố cách minh bạch vi phạm trong tuân thủ mặc dù chỉ vi phạm nhỏ. 4 công ty giữ nguyên mức công bố chỉ tiêu là STK với 43%, BSC với 31%, REE 41% và HQC là 35%. Các công ty giảm mức công bố chỉ tiêu là STB, BSC trong đó STB giảm nhiều nhất từ 50% xuống còn 36%. Phần lớn công ty đã có sự chuyển biến tích cực trong công bố theo Tiêu chuẩn GRI.

Năm 2018, cả BVH và VNM giảm mức công bố tổng chỉ tiêu xuống còn 71%. Năm 2018 báo cáo VNM có cấu trúc rõ ràng trình bày ngắn gọn, kết hợp sử dụng hình vẽ, biểu đồ hợp lý tuy nhiên theo thông điệp Tổng giám đốc thì khung quản trị PTBV của VNM cũng còn cần phải hoàn thiện thêm. Báo cáo của BVH thể hiện rõ ràng quy trình quản trị bao gồm đánh giá vấn đề trọng yếu, các rủi ro, phản hồi và mong đợi của các bên liên quan, liên kết việc đánh giá này đến việc xây dựng các kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tăng trưởng bền vững. DHG tăng 5% so với năm 2017 lên 78%, nội dung báo cáo năm 2018 tiếp tục được duy trì tính đầy đủ với nhiều chỉ số định lượng phù hợp với đặc thù công ty của lĩnh vực dược phẩm, đồng thời cho thấy tính đảm bảo trong các hoạt động PTBV khi mô tả chi tiết cấu trúc quản trị và phương pháp tiếp cận bằng việc đánh giá rủi ro có liên quan đến môi trường và xã hội, STK vươn lên dẫn đầu với 79%, cao nhất trong 3 năm, báo cáo của STK thể hiện rõ việc đánh giá rủi ro về kinh tế, môi trường và xã hội và đưa ra những kế hoạch cụ thể đối với từng rủi ro, đặc biệt so với năm trước báo cáo STK hoàn thiện hệ thống quản trị qua việc xây dựng bộ phận kiểm toán nội bộ. Cho thấy rằng STK đã có sự thay đổi và phát triển đáng kể trong chính sách công ty. Tổng chỉ tiêu được công bố của PAN và VCS tăng mạnh so với năm 2017, cụ thể PAN tăng 10% cho thấy nỗ lực không ngừng trong PTBV bao gồm cải tiến công nghệ nuôi thủy sản thân thiện với môi trường để bảo vệ nguồn nước tại Aquatex Bến Tre, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm nông nghiệp có khả năng chống chịu tốt, các chỉ tiêu môi trường- xã hội được trình bày rõ ràng và đặc biệt báo cáo PAN năm 2018 đã có một phần riêng trình bày mục tiêu tương lai năm 2019 và giai đoạn tiếp theo tuy nhiên báo cáo còn ít các chỉ tiêu định lượng và cũng ít sự phân tích. VCS tăng 17%, một con số khá ấn tượng sau một năm thay đổi và hướng tới hoàn thành những chỉ tiêu mới, báo cáo đã lồng ghép PTBV vào chiến lược sản xuất – kinh doanh đồng thời có hành động thiết thực phát triển nền kinh tế tuần hoàn, đề cập chi tiết chương trình Kaizen –5s với khẩu hiệu “ Cải tiến không ngừng, gọn từng vị trí, không khí trong lành” là một minh chứng cho không ngừng sáng tạo của VCS. Một số công ty khác cũng tăng từ 1 đến 5% là DHG, STB, TRA và BSC. REE và HQC liên tục giữ nguyên chỉ tiêu trong 3 năm và vẫn ở mức thấp là 41% và 35%, SSI và NVL giữ nguyên mức công bố chỉ tiêu so với năm 2017. PNJ giảm nhẹ mức công bố chỉ tiêu xuống 2% còn 69%, và BID giảm mạnh từ 63% xuống còn 40%. Nhìn chung, mức độ công bố chỉ tiêu của năm 2018 lớn hơn 2017, đa phần các công ty đã thành công trong việc công bố nhiều chỉ tiêu theo Tiêu chuẩn GRI, nhưng vẫn còn một số công ty không giữ vững phong độ, khiến mức độ công bố chỉ tiêu sụt giảm một cách đáng kể.

Biểu đồ 1: Mức độ công bố thông tin dựa trên Tiêu chuẩn GRI.

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

* 1. **Mức độ công bố thông tin theo GRI 102: Tiêu chuẩn chung và GRI 103: Phương pháp quản trị.**

Bảng 8: Tỷ lệ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 102 và GRI 103

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã CK | 2016 | | 2017 | | 2018 | |
| Chỉ tiêu  (59) | Phần trăm | Chỉ tiêu  (59) | Phần trăm | Chỉ tiêu  (59) | Phần trăm |
| 1 | BVH | 54 | 92% | 56 | 95% | 55 | 93% |
| 2 | VNM | 55 | 93% | 46 | 78% | 43 | 73% |
| 3 | SSI | 22 | 37% | 27 | 46% | 27 | 46% |
| 4 | DHG | 49 | 83% | 49 | 83% | 50 | 85% |
| 5 | PNJ | 55 | 93% | 54 | 92% | 55 | 93% |
| 6 | PAN | 48 | 81% | 45 | 76% | 43 | 73% |
| 7 | STB | 49 | 83% | 30 | 51% | 29 | 49% |
| 8 | VCS | 45 | 76% | 35 | 59% | 32 | 54% |
| 9 | TRA | 30 | 51% | 30 | 51% | 38 | 64% |
| 10 | STK | 32 | 54% | 32 | 54% | 57 | 97% |
| 11 | BID | 52 | 88% | 53 | 90% | 39 | 66% |
| 12 | NVL | 29 | 49% | 44 | 75% | 51 | 86% |
| 13 | BSC | 32 | 54% | 32 | 54% | 35 | 59% |
| 14 | REE | 31 | 53% | 31 | 53% | 31 | 53% |
| 15 | HQC | 35 | 59% | 35 | 59% | 36 | 61% |

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

Năm 2016, có 3 công ty trong tổng số 15 công ty có công bố thông tin chung và phương pháp quản trị đạt tỷ lệ cao nhất hơn 90% gồm BVH (92%), PNJ (93%) và VNM (93%). 3 công ty này đều nằm trong top 10 BCPTBV năm 2016, đều đưa ra một BCPTBV với bố cục chặt chẽ, trình bày xuyên suốt từ các vấn đề chiến lược đến các kế hoạch. Năm 2016, BCPTBV của BVH là báo cáo đầu tiên áp dụng Tiêu chuẩn GRI, BVH đã trở thành một trong những công ty có BCPTBV mẫu mực của thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, năm 2016 BVH không sử dụng công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCPTBV mà thay thế bằng kiểm toán nội bộ nhưng việc kiểm toán từ một khối kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị cũng cho thấy sự nghiêm túc và cam kết cao của BVH về PTBV. Có 5 công ty có tỷ lệ công bố thông tin đạt ở mức cao lớn hơn 70% đó là DHG (83%), PAN (81%), STB (83%), BID (88%), VCS (76%). DHG đã làm tốt trong việc tham vấn các bên liên quan, xác định mức độ quan trọng của các bên liên quan cũng như thực hiện đánh giá trọng yếu. Các kết quả tham vấn với các bên liên quan và các phản hồi của DHG đối với ý kiến các bên liên quan được trình bày một cách rõ ràng, hệ thống. Có 2 công ty có tỷ lệ công bố thông tin đạt ở mức thấp dưới 50% là SSI (37%) và NVL (49%) và SSI là công ty có tỷ lệ công bố thấp nhất trong số 15 công ty. Tuy nhiên, đáng khen cho NVL dù mới tham gia thị trường chứng khoán nhưng đã tạo được đánh giá tốt cho người đọc về sự chỉnh chu và chuyên môn của báo cáo thường niên tích hợp với BCPTBV.

Năm 2017, hai công ty có tỷ lệ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 102 và GRI 103 đạt tỷ lệ rất cao hơn 90% là BVH và PNJ trong đó BVH chiếm tỷ lệ 95% tăng 3% so với năm 2016 và PNJ chiếm tỷ lệ 92% giảm 1% so với năm 2016. Tỷ lệ công bố thông tin theo tiêu chuẩn tổng thể của PNJ giảm so với năm 2016 nhưng vẫn ở mức cao, với thông điệp “30 năm giữ trọn niềm tin vàng” của chủ tịch Hội đồng Quản trị PNJ đã cho thấy sự cam kết và quyết tâm cao trong PTBV của công ty. 5 công ty có tỷ lệ công bố thông tin theo tiêu chuẩn tổng thể đạt mức cao đó là VNM, DHG, PAN, BID và NVL với tỷ lệ hơn 70%. Mức công bố chỉ tiêu so với năm 2016, VNM giảm 15% còn 78%, DHG giữ vững tỷ lệ 83%. PAN giảm 5% còn 76%, BID tăng 2% lên 90%, NVL tăng mạnh 26% lên thành 75%. Năm 2017, NVL lọt vào top 10 BCPTBV thể hiện NVL đang từng bước học hỏi, cải thiện và áp dụng các thông lệ quản trị vào báo cáo. Ba công ty có tỷ lệ độ công bố thông tin theo tiêu chuẩn tổng thể ở mức thấp từ 50% trở xuống là SSI, STB và TRA trong đó SSI chiếm tỷ lệ 46% tăng 9% so với năm 2016 đây là một điểm mới của SSI trong việc hoàn thiện BCPTBV của công ty, so với năm 2016 STB giảm 32% còn 51% và TRA giữ nguyên tỷ lệ 51%. Nhìn chung, có thể do các công ty này chưa thực sự tập trung vào công bố thông tin theo tiêu chuẩn này mà họ tập trung đi theo các chiến lược bền vững riêng của họ. Để hoàn thiện báo cáo, các công ty có thể thêm chỉ tiêu phấn đấu PTBV trung và dài hạn, các phân tích thực tế và kế hoạch thực hiện hoặc cải tiến về mặt quản trị như liên kết thù lao Hội đồng quản trị, Ban giám đốc với các chỉ tiêu PTBV và tăng tính tin cậy báo cáo thông qua đảm bảo nội bộ và bên ngoài.

Năm 2018, BVH và PNJ vẫn tiếp tục giữ vững tỷ lệ công bố thông tin theo tiêu chuẩn tổng thể ở mức rất cao chiếm tỉ lệ 93%. Tuy không được đảm bảo bởi bên thứ 3 nhưng quy trình kiểm toán nội bộ rõ ràng và minh bạch đã mang lại độ tin cậy cao cho báo cáo. Năm 2018 còn có thêm sự đột phá của STK chiếm tỷ lệ 97% có thể giải thích là do về chiến lược, báo cáo đã khắc phục được nhược điểm của các kỳ trước đồng thời có hàng loạt cải tiến trong đánh giá tác động, ảnh hưởng của các bên liên quan, đánh giá và khắc phục các rủi ro trọng yếu, mô tả chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng. Có 4 công ty có tỷ lệ công bố Tiêu chuẩn 102 và 103 ở mức cao đó là VNM, DHG, PAN, NVL lần lượt chiếm tỷ lệ 73%, 85%, 73% và 86%. So với năm 2017, DHG và NVL đều tăng lần lượt 2% và 11% trong khi đó VNM và PAN đều có tỷ lệ công bố thông tin giảm lần lượt là 5% và 3%. VNM đi thẳng vào vấn đề trọng yếu của công ty về PTBV, cho dù đó là các điểm tích cực hay là các mặt còn cần cải thiện. Đối với DHG báo cáo vẫn được tiếp tục duy trì tính đầy đủ, là 1 trong 3 công ty ở Việt Nam được vinh danh trong dự án Thẻ điểm quản trị công ty ASEAN năm 2017 cho thấy DHG tiếp tục cho thấy tính đảm bảo trong các hoạt động PTBV khi mô tả chi tiết cấu trúc quản trị và phương pháp tiếp cận bằng việc đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội. Đối với NVL năm 2018 là năm thứ hai công ty lập BCPTBV riêng thể hiện sự quyết tâm và định hướng xuyên suốt của NVL trong việc cải thiện công bố thông tin liên quan đến PTBV. Có 6 công ty có mức độ công bố thông tin theo tổng thể đạt mức từ 50%-70% là VCS, TRA, BID, BSC, REE và HQC. So với năm 2017, VCS giảm 5% còn 54%, TRA tăng 13% lên 64%, BID giảm mạnh 24% còn 66%, BSC tăng 5% lên 59%, REE giữ nguyên mức 53% trong 3 năm và HQC chiếm tỷ lệ 61% tăng 2% so với năm 2017. Hầu hết các công ty này đều tích hợp chặt chẽ chiến lược PTBV với phương pháp tiếp cận và quản lý, các phần tổng quan phân tích các bên liên quan và xác định lĩnh vực trọng yếu, ... được trình bày đầy đủ và rõ ràng tuy nhiên các công ty này lưu ý tránh một số điểm trừ như tham chiếu chưa hoàn thiện hay đưa ra chỉ tiêu chiến lược cụ thể hơn. Báo cáo VCS với Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã thể hiện rõ việc lồng kết PTBV vào chiến lược sản xuất kinh doanh với định hướng cốt lõi: “Khác biệt và sáng tạo để PTBV” tuy nhiên VCS chưa có tiểu ban PTBV thuộc Hội đồng Quản trị và kiểm toán nội bộ hoặc hình thức bảo đảm khác nên mức độ tin cậy báo cáo còn bị hạn chế. Hai công ty có tỷ lệ công bố thông tin theo tiêu chuẩn tổng thể đạt mức thấp dưới 50% đó là SSI và STB trong đó SSI chiếm tỷ lệ 46% giữ nguyên so với năm 2017 và STB chiếm 49% giảm 2% so với năm 2017. Như vậy SSI là công ty có tỷ lệ công bố thông tin thấp nhất trong tổng số 15 công ty về công bố thông tin theo tiêu chuẩn tổng thể. Để cải thiện, các công ty có thể thêm các chỉ tiêu phấn đấu PTBV trung và dài hạn và cải tiến về mặt quản trị, tăng tính tin cậy của báo cáo thông qua đảm bảo nội bộ hoặc bên ngoài.

Biểu đồ 2: Mức độ công bố thông tin theo GRI 102 và GRI 103

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

* 1. **Mức độ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 200 – Chủ đề Kinh tế**.

Bảng 9: Tỷ lệ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 200

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã CK | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
| Chỉ tiêu  (13) | Phần trăm | Chỉ tiêu  (13) | Phần trăm | Chỉ tiêu  (13) | Phần trăm |
| 1 | BVH | 12 | 92% | 10 | 77% | 10 | 77% |
| 2 | VNM | 6 | 46% | 10 | 77% | 9 | 69% |
| 3 | SSI | 2 | 15% | 2 | 15% | 2 | 15% |
| 4 | DHG | 7 | 54% | 9 | 69% | 12 | 92% |
| 5 | PNJ | 8 | 62% | 8 | 62% | 5 | 38% |
| 6 | PAN | 5 | 38% | 3 | 23% | 6 | 46% |
| 7 | STB | 5 | 38% | 5 | 38% | 7 | 54% |
| 8 | VCS | 2 | 15% | 3 | 23% | 8 | 62% |
| 9 | TRA | 7 | 54% | 7 | 54% | 5 | 38% |
| 10 | STK | 3 | 23% | 3 | 23% | 11 | 85% |
| 11 | BID | 3 | 23% | 3 | 23% | 3 | 23% |
| 12 | NVL | 6 | 46% | 9 | 69% | 4 | 31% |
| 13 | BSC | 2 | 15% | 2 | 15% | 5 | 38% |
| 14 | REE | 5 | 38% | 5 | 38% | 5 | 38% |
| 15 | HQC | 3 | 23% | 3 | 23% | 3 | 23% |

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

Trong năm 2016, BVH là công ty có tỷ lệ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế chiếm tỷ lệ cao nhất là hơn 92%. Nhìn chung năm 2016 báo cáo BVH đã hoàn thiện việc cụ thể hóa các định hướng chiến lược PTBV. DHG, PNJ, TRA là 3 công ty có tỷ lệ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế chiếm tỷ lệ hơn 50% lần lượt là 54%, 62% và 54%. Trong năm 2016, DHG cũng là một số ít các công ty đã liên kết các mục tiêu PTBV của Liên hợp quốc bao gồm với các hoạt động kinh doanh của công ty. Báo cáo PNJ nêu lên nền tảng kinh tế vững vàng, phát huy hiệu quả chuỗi cung ứng, sáng tạo đổi mới để không ngừng phát triển, cạnh tranh là động lực của PTBV. Báo cáo TRA đã phát huy lợi thế từ hệ thống phân phối mạnh nhất ngành dược, khả năng thanh toán luôn hiệu quả, lồng ghép tính bền vững trong chuỗi cung ứng. Tuy nhiên các công ty trên nên bổ sung tham chiếu thêm một số chỉ tiêu của chủ đề kinh tế để báo cáo được hoàn thiện hơn và tăng tính minh bạch hơn. Các công ty VNM, SSI, PAN, STB, VCS, STK, BID, NVL, BSC, REE và HQC là những công ty có tỷ lệ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế dưới 50%. Trong đó lần lượt chiếm tỷ lệ là 46%, 15%, 38%, 38%, 15%, 23%, 23%, 46%, 15%, 38% và 23%. SSI, VCS và BSC có tỷ lệ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế thấp nhất đều chiếm 15%. Báo cáo VNM công bố bổ sung ngành sản xuất, chế biến thực phẩm nên có đầy đủ phương diện bền vững và phù hợp với loại hình kinh doanh. Việc bổ sung các ngành nghề giúp VNM hướng đến phát triển sản xuất kinh doanh - phát triển kinh tế bền vững. Về PAN, mức độ minh bạch của PAN cũng được nâng cao thông qua việc Công ty và các đơn vị thành viên đã xây dựng và áp dụng “Bộ nguyên tắc sản xuất PAN”, quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp (ở Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương). Tuy nhiên, VNM và PAN dường như chưa thực sự tập trung công bố chủ đề kinh tế với mức độ tham chiếu chỉ tiêu của chủ đề này tương đối thấp. Về STK, báo cáo chưa có đánh giá và giải pháp khắc phục rủi ro trọng yếu, mô tả chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng,.. Báo cáo VCS chưa nêu được các tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu bao gồm mức độ tác động, các tác động tài chính và những rủi ro và cơ hội cho hoạt động tổ chức do biến đổi khí hậu,.. STB, SSI, BID, BSC là các công ty thuộc lĩnh vực tài chính- bảo hiểm, báo cáo của các công ty đã nêu được tác động kinh tế trực tiếp và gián tiếp đến công ty, tuy nhiên trong báo cáo của STB có mức độ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế cao hơn do STB đã nêu được tuyển dụng nhân sự địa phương và các trách nhiệm của công ty đối với cộng đồng.

Trong năm 2017, BVH và VNM đều có mức độ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế chiếm 77% trong đó BVH giảm 15% và VNM tăng 31% so với năm 2016. Điểm mới trong báo cáo VNM trong năm 2017 là được lập theo Tiêu chuẩn GRI và thêm các chỉ tiêu trong chủ đề kinh tế là 202- sự hiện diện trên thị trường và 206- hành vi cản trở cạnh tranh. Có 4 công ty trong tổng số 15 công ty có tỷ lệ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế đạt hơn 50% là DHG, PNJ, TRA và NVL. Trong đó, so với năm 2016, DHG có tỷ lệ 69% tăng 15%, PNJ có tỷ lệ 62% không đổi, TRA có tỷ lệ 54% không đổi và NVL có tỷ lệ 69% tăng 20% so với năm 2016. Năm 2017, DHG vẫn trình bày nội dung báo cáo đầy đủ, thuyết phục và chặt chẽ, sử dụng Tiêu chuẩn GRI và gắn kết hoạt động của mình với mục tiêu PTBV của Liên hợp quốc. Năm 2017 là năm đầu tiên NVL công bố BCPTBV riêng nên công ty đã chú trọng nhiều đến phần nội dung hơn thể hiện ở việc tăng chỉ tiêu tham chiếu trong chủ đề kinh tế. Các công ty SSI, PAN, STB, VCS, STK, BID, BSC, REE, HQC là những công ty có tỷ lệ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế có tỷ lệ dưới 50% cụ thể SSI với tỷ lệ 15% không có sự thay đổi so với năm 2016, PAN có tỷ lệ 23% giảm 15% so với năm 2016 nguyên nhân là do PAN đã không công bố chỉ tiêu về tác động kinh tế gián tiếp, đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ. So với năm 2016, STB có tỷ lệ 38% không đổi, VCS có tỷ lệ 23% tăng 8%, STK (23%), BID (23%), HQC (23%), BSC (15%), REE (38%) không đổi so với năm 2016. Như vậy, mức độ công bố thông tin thấp nhất theo chủ đề kinh tế năm 2017 là SSI và BSC với tỷ lệ 15%.

Năm 2018, DHG có sự đột phá lớn với tỷ lệ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế đạt tỷ lệ 92%, báo cáo được trình bày rất đầy đủ, thuyết phục và chặt chẽ. DHG tiếp tục duy trì tính đầy đủ với nhiều chỉ số định lượng phù hợp với đặc thù của một công ty trong lĩnh vực thực phẩm. Các công ty có mức độ công bố thông tin theo chủ đề kinh tế ở mức cao chiếm tỷ lệ hơn 70% đó là BVH có tỷ lệ 77%, STK có tỷ lệ 85%. Trong đó so với năm 2017, BVH tỷ lệ công bố không có sự thay đổi, STK tăng mạnh 62%. Báo cáo của STK là một minh chứng cho việc thực hiện cam kết PTBV mà STK đặt ra mang lại lợi ích kinh tế lớn, báo cáo thể hiện rõ việc đánh giá rủi ro về mặt kinh tế và đưa ra những kế hoạch cụ thể đối với từng rủi ro. So với năm 2017, các công ty có mức độ công bố thông tin từ 50-60% đó là VNM 69% giảm 8%, STB 54% tăng 16%, VCS 62% tăng 39%. Báo cáo của VMN đã gắn kết hoạt động PTBV với bối cảnh PTBV thế giới nói chung và của ngành sữa Việt Nam nói riêng trên khung 17 mục tiêu PTBV của Liên hợp quốc tuy nhiên báo cáo cải thiện thêm các chỉ tiêu phấn đấu PTBV như phân tích hoạt động của nhà máy nước ngoài, mở rộng chỉ tiêu yêu cầu từ nhà cung cấp hay phân tích ảnh hưởng PTBV đến người tiêu dùng và khâu bán hàng. Báo cáo VCS trình bày rõ quy trình và các tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp bao gồm cả tiêu chí môi trường và an toàn, về chỉ tiêu định lượng báo cáo đã trình bày số liệu qua nhiều năm bao gồm phân tích rõ ràng. Các công ty có mức độ công bố thông tin dưới 50% bao gồm SSI 15% không có sự thay đổi so với năm 2017, PNJ giảm 24% xuống 38%, TRA 38% giảm 16% còn 3%, BID giữ nguyên 23%, NVL giảm 38% so với năm 2017, BSC tăng 23% lên 38%, REE và HQC lần lượt có tỷ lệ 38% và 23% không có sự thay đổi so với năm 2017. Báo cáo TRA đã tích hợp chặt chẽ chiến lược PTBV vào chiến lược kinh doanh. Về mặt tổng thể báo cáo NVL thiếu khá nhiều nội dung trọng yếu của một công ty điển hình trong cùng lĩnh vực. Nhìn chung, báo cáo SSI vẫn thấp nhất nhóm với 15%. Qua đó cho thấy thực tế các công ty này vẫn còn thiếu sót hoặc không thực sự tập trung công bố chủ đề kinh tế trong BCPTBV.

Biểu đồ 3: Mức độ công bố thông tin theo GRI 200

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

**2.4. Mức độ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 300 – Chủ đề Môi trường.**

Bảng 10: Tỷ lệ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 300

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã CK | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
| Chỉ tiêu  (30) | Phần trăm | Chỉ tiêu  (30) | Phần trăm | Chỉ tiêu  (30) | Phần trăm |
| 1 | BVH | 12 | 40% | 12 | 40% | 12 | 40% |
| 2 | VNM | 21 | 70% | 19 | 63% | 20 | 67% |
| 3 | SSI | 0 | 0% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 4 | DHG | 15 | 50% | 22 | 73% | 24 | 80% |
| 5 | PNJ | 16 | 53% | 17 | 57% | 16 | 53% |
| 6 | PAN | 13 | 43% | 11 | 37% | 18 | 60% |
| 7 | STB | 2 | 7% | 3 | 10% | 3 | 10% |
| 8 | VCS | 11 | 37% | 14 | 47% | 20 | 67% |
| 9 | TRA | 11 | 37% | 15 | 50% | 13 | 43% |
| 10 | STK | 15 | 50% | 15 | 50% | 20 | 67% |
| 11 | BID | 5 | 17% | 3 | 10% | 1 | 3% |
| 12 | NVL | 9 | 30% | 10 | 33% | 10 | 33% |
| 13 | BSC | 0 | 0% | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 14 | REE | 6 | 20% | 6 | 20% | 6 | 20% |
| 15 | HQC | 2 | 7% | 2 | 7% | 2 | 7% |

Tiếp theo là năm 2016 VNM với 70% có mức độ công bố thông tin khá cao. Báo cáo năm 2016 của VNM thể hiện đầy đủ và có giải thích rõ ràng đối với các phương diện bền vững quan trọng của công ty sản xuất như chỉ tiêu phấn đấu giảm khí thải, hay phân tích về việc lượng rác thải nguy hại tăng do thay thế các bình điện và nhớt máy theo chu kỳ đại tu của hệ thống xe tự hành ở Nhà máy sữa Việt Nam. DHG 50%, PNJ với 53% và STK 50% với mức độ công bố thông tin trung bình. Cả năm công ty đều có thông tin được công bố tốt liên quan đến môi trường mà ngành công nghiệp của các công ty đã tác động. Phần còn lại là các công ty có tỷ lệ công bố dưới 50%, cụ thể là BVH 40%, SSI 0%, PAN 43%, STB7%, VSC 37%, TRA 37%, BID 17%, NVL 30%, BSC 0%, REE 20%, HQC 7%. Có thể thấy rằng các nhóm công ty này có sự khác biệt đáng kể về mức độ công bố thông tin. Trong trường hợp của BVH đây là một công ty hoạt động trong các dịch vụ tài chính và bảo hiểm nên tác động đến các vấn đề môi trường là không lớn. Do đó, điều hợp lý là việc tiết lộ thông tin môi trường của BVH không cao bằng các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất như VNM, DHG, PNJ, hay STK. Ngoài ra, NVL, SSI, STB, BSC, HQC đều là các công ty dịch vụ. NVL là một công ty bất động sản, SSI là một công ty dịch vụ tài chính chứng khoán, STB và BSC là công ty dịch vụ tài chính, HQC là một công ty bất động sản- giáo dục- tài chính. Do đó, tác động đến môi trường của 5 công ty này là thấp. Tuy nhiên, NVL vẫn rất chú trọng đến các tác động môi trường của mình do hoạt động sửa chữa và bảo trì các hoạt động của máy móc và thiết bị. STB và HQC cũng đã đầu tư vào việc tiết lộ thông tin như tiêu thụ năng lượng và các quy định môi trường. Mặc dù SSI và BSC không tiết lộ về chủ đề này, nhưng SSI có thể tập trung vào và cập nhật thông tin môi trường trong BCPTBV của mình trong tương lai. PAN, VCS, TRA, STK, REE đều là những công ty sản xuất. PAN sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản, DHG, TRA sản xuất và bán các sản phẩm dược phẩm, STK là công ty sản xuất sợi hàng đầu Việt Nam, REE là công ty đa ngành trong đó có sản xuất linh kiện. Tuy nhiên, tỷ lệ công bố thông tin của 5 công ty này là rất thấp. Nó cho thấy việc công bố thông tin môi trường của các công ty này là kém và chưa được tập trung.Năm 2017, mức công bố VNM giảm xuống còn mức 63%, tuy nhiên tỷ lệ này giảm không đáng kể. DHG có tỷ lệ vượt bậc lên đến mức 70%, còn PNJ và STK vẫn tiếp tục công bố thông tin về môi trường ở mức độ trung bình. Năm 2017 có thêm TRA vượt lên mức 50%. Năm 2017 tỷ lệ công bố thông tin theo chủ đề GRI 300 của một số công ty tăng nhẹ so với năm 2016, cụ thể như DHG tăng 23%, PNJ, STB và NVL tăng 3%, VCS tăng 10%, TRA tăng 13%. Điều này cho thấy phần lớn các công ty đã dần chú trọng vào việc công bố thông tin về môi trường ngoại trừ một số công ty có mức công bố giảm nhẹ. Cụ thể VNM giảm 7%, PAN giảm 10%, BID giảm 7%. Điều này cho thấy các công ty đang dần quan tâm hơn đến vấn đề môi trường. Còn lại BVH, SSI, STK, REE và HQC vẫn giữ nguyên mức độ công bố thông tin như năm 2016. Năm 2017, nhằm lan tỏa ý thức bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên nói chung và hệ sinh thái trong kinh doanh nói riêng, BVH lựa chọn thông điệp “Kiến tạo hệ sinh thái bền vững” nhằm tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ sinh thái, nâng cao nhận thức hướng đến PTBV của cả cộng đồng. Báo cáo STK năm 2017 các số liệu về môi trường cũng được trình bày đầy đủ chi tiết qua các năm cho thấy xu hướng phát triển, có các phân tích khái quát tình hình thực hiện năm 2017 cũng như đề cập đến mục tiêu 2018 và dài hạn.

Năm 2018, VNM, DGH, PNJ và STK vẫn tiếp tục giữ vững tỷ lệ công bố thông tin theo tiêu chuẩn tổng thể ở mức cao hơn 50%, trong đó có DHG có tỷ lệ công bố thông tin cao nhất ở mức 80%. Báo cáo của STK thể hiện rõ đánh giá rủi ro về mặt môi trường và đưa ra kế hoạch cụ thể đối với từng rủi ro. Đặc biệt, trong nhóm này còn có thêm sự đột phá của PAN và VCS, có thể giải thích là do về chiến lược, báo cáo đã khắc phục được nhược điểm của các kỳ trước. Báo cáo PAN năm 2018 khẳng định định hướng PTBV của mình dựa trên “Nông nghiệp công nghệ cao”. Năm 2018 TRA có tỷ lệ công bố thông tin giảm xuống dưới trung bình còn 43% nhưng điểm mạnh của TRA là thể hiện được tầm nhìn chiến lược dài hạn trong “Sứ mệnh tiên phong sáng tạo dược phẩm xanh bảo vệ sức khỏe con người” với chuỗi giá trị xanh từ nguyên liệu đến công nghệ sản xuất sạch, hệ thống phân phối, dịch vụ thân thiện với môi trường đồng thời TRA cũng là một trong số ít những công ty có bước đầu khích lệ xem xét mô hình kinh tế tuần hoàn, chất thải thay vì bị vứt bỏ, lãng phí và gây ô nhiễm môi trường sẽ được “hồi sinh” dưới dạng các nguồn lực khác nhau. Năm 2018, BID tỷ lệ chỉ còn 3%, Còn lại BVH, SSI, STB, NVL, REE, HQC vẫn giữ nguyên mức công bố thông tin như năm 2017. Có thể thấy chủ đề GRI 300 là thông tin rất quan trọng, do đó, các công ty này nên bổ sung thông tin trong các BCPTBV trong những năm tiếp theo.

Biểu đồ 4: Mức độ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 300

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp*

**2.5. Mức độ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 400 – Chủ đề Xã hội**

Bảng 11: Mức độ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 400

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã CK | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
| Chỉ tiêu  (34) | Phần trăm | Chỉ tiêu  (34) | Phần trăm | Chỉ tiêu  (34) | Phần trăm |
| 1 | BVH | 25 | 74% | 25 | 74% | 20 | 59% |
| 2 | VNM | 24 | 71% | 25 | 74% | 25 | 74% |
| 3 | SSI | 7 | 21% | 8 | 24% | 8 | 24% |
| 4 | DHG | 16 | 47% | 19 | 56% | 20 | 59% |
| 5 | PNJ | 13 | 38% | 18 | 53% | 18 | 53% |
| 6 | PAN | 16 | 47% | 18 | 53% | 24 | 71% |
| 7 | STB | 12 | 35% | 11 | 32% | 11 | 32% |
| 8 | VCS | 9 | 26% | 9 | 26% | 24 | 71% |
| 9 | TRA | 15 | 44% | 16 | 47% | 18 | 53% |
| 10 | STK | 8 | 24% | 8 | 24% | 20 | 59% |
| 11 | BID | 21 | 62% | 26 | 76% | 11 | 32% |
| 12 | NVL | 15 | 44% | 16 | 47% | 14 | 41% |
| 13 | BSC | 8 | 24% | 8 | 24% | 8 | 24% |
| 14 | REE | 14 | 41% | 14 | 41% | 14 | 41% |
| 15 | HQC | 7 | 21% | 7 | 21% | 7 | 21% |



*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

Trong năm 2016, có 2 công ty trong 15 công ty đang xét có mức độ công bố thông tin theo chủ đề GRI 400 đạt mức cao, cụ thể là BVH với 74% và VNM với 71%, hai công ty này tiếp tục đứng đầu trong mức độ công bố thông tin theo Bộ tiêu chuẩn GRI. Liên tục được giải qua các năm, báo cáo của BVH đã trở thành một trong những BCPTBV mẫu mực của thị trường chứng khoán Việt Nam. VNM cũng đã tạo được mức độ tin cậy và tính thuyết phục cao cho báo cáo từ hệ thống quản lý bài bản, giàu kinh nghiệm dựa trên nền tảng của các tiêu chuẩn và chứng nhận sản xuất quốc tế. BID cũng ở mức cao với 62%, các công ty có mức công bố chủ đề xã hội GRI 400 dưới 50% là SSI, DHG, PNJ, PAN, STB, VCS, TRA, STK, NVL, BSC, REE, HQC. Trong đó, thấp nhất là SSI, HQC, BSC, với mức công bố dưới 25%, SSI và BSC là hai công ty về dịch vụ chứng khoán, HQC là công ty bất động sản, giáo dục và tài chính. Trong năm 2016, mặc dù các công ty đều có công bố chỉ tiêu theo chủ đề GRI 400 nhưng đa phần mức độ công bố chưa cao, một số công ty vẫn còn ở mức thấp.

Trong năm 2017, BVH và VNM tiếp tục có mức độ công bố chỉ tiêu theo chủ đề GRI 400 ở mức cao nhất với 74%, trong đó, VNM tăng hơn 3% so với năm 2016. BID năm 2016 từ 62% đã vươn lên dẫn đầu năm 2017 với 76%, điều này cho thấy sự thành công trong nỗ lực PTBV của BID. Các công ty SSI, TRA, NVL trong năm 2017 tăng mức công bố chỉ tiêu hơn 3% so với 2016, DHG tăng 9%, PNJ tăng mạnh với 15% , PAN tăng 6%. Tuy nhiên, một số công ty vẫn giữ nguyên mức công bố chỉ tiêu là HQC 21%, REE 41%, BSC 24%, STK 24%, VCS 26%. Ngoài ra STB giảm 3% so với năm 2016. Có thể thấy, các công ty đang bắt kịp dần với xu hướng PTBV về mặt xã hội, tuy nhiên đa phần những chính sách mới của các công ty có hiệu quả chưa cao.

Trong năm 2018, BVH giảm mức công bố chỉ tiêu theo chủ đề xã hội từ 74% xuống còn 59%, VNM giữ nguyên mức công bố 74%, cao nhất trong 15 công ty. VSC tăng mạnh từ 26% lên 71%, từ một công ty có mức công bố chủ đề GRI 400 ở mức thấp vươn lên vị trí thứ 2 trên tổng số 15 công ty, STK cũng tăng mạnh từ 24% lên 59%, PAN tăng từ 53% lên 71%. Hai công ty có mức công bố chỉ tiêu tăng nhẹ từ 3% đến 6% là DHG 59% và TRA 53%. Sáu công ty khác giữ nguyên mức công bố chỉ tiêu theo chủ đề GRI 400 là HQC 21%, REE 41%, BSC 24%, SSI 24% và STB 32%, PNJ 53%, ngoại trừ PNJ thì các công ty này đều có mức công bố thấp dưới 50%, trong đó BSC, REE và HQC vẫn giữ nguyên trong 3 năm 2016, 2017, và 2018. BID giảm mạnh từ 76% xuống 32%, NVL giảm từ 47% xuống 41%. Từ số liệu trên cho thấy rằng có sự thành công đáng kể trong chính sách PTBV của đa số công ty, tiếp tục phát huy những thành tựu mà công ty đã đạt được trong 2 năm vừa qua. Tuy nhiên một số công ty như BVH, BID và NVL đã có sự sụt giảm đáng kể trong mức công bố chỉ tiêu xã hội, GRI 400 là thông tin rất quan trọng đối với người lao động, do đó, các công ty này nên bổ sung thông tin trong các BCPTBV trong những năm tiếp theo.

Biểu đồ 5: Mức độ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 400

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

**2.6. Kết luận.**

Bảng 12: Tỷ lệ công bố thông tin trung bình theo từng Tiêu chuẩn

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề | Tổng (136) | 2016 | | 2017 | | 2018 | |
| Trung bình | Phần trăm | Trung bình | Phần trăm | Trung bình | Phần trăm |
| GRI 102 | 56 | 40.07 | 72% | 36.86 | 66% | 40.53 | 72% |
| GRI 103 | 3 | 1.13 | 38% | 1.06 | 35% | 0.87 | 29% |
| GRI 200 | 13 | 5.07 | 39% | 5.47 | 42% | 6.33 | 49% |
| GRI 300 | 30 | 9.20 | 31% | 9.93 | 33% | 11.00 | 37% |
| GRI 400 | 34 | 14.00 | 41% | 15.20 | 45% | 16.13 | 47% |

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

Biểu đồ 6: Mức độ công bố thông tin trung bình theo từng Tiêu chuẩn

*(Nhóm nghiên cứu tổng hợp)*

Nhóm nghiên cứu thấy rằng Tiêu chuẩn GRI 102 - Công bố thông tin chung có mức độ công bố thông tin trong ba năm cao nhất với tỷ lệ từ 66% đến 72%, hầu hết các công ty đều có sự đầu tư trong việc công bố các thông tin chung của công ty như hồ sơ tổ chức, chiến lược, đạo đức và liêm chính, quản trị, v.v ... Đây là tất cả những thông tin cơ bản nhất của các công ty. Việc công bố các thông tin trên là mức tối thiểu mà các công ty cần tuân theo.

Tiêu chuẩn GRI 103 - Phương pháp quản lý có mức độ công bố thông tin thấp nhất trong 3 năm 2016-2018 chỉ từ 29%-38%, tỷ lệ này có xu hướng giảm dần cụ thể là năm 2017 giảm 3% so với 2016, năm 2018 giảm 6% so với 2017. Có thể thấy rằng các công ty vẫn còn chưa thật sự tập trung vào việc công bố thông tin về phương pháp quản lý.

Đối với Tiêu chuẩn GRI 200 – Chủ đề Kinh tế, mức độ công bố thông tin từ 39%- 49%, tỷ lệ này có xu hướng tăng khá nhanh qua 3 năm, cụ thể là năm 2017 tăng 10% so với 2016, năm 2018 tăng 7% so với 2017, đây không phải là tỷ lệ cao (dưới 50%) nhưng cũng cho thấy hầu hết các công ty đã tập trung vào công bố thông tin kinh tế, cho thấy đóng góp của công ty trong việc đẩy mạnh phát triển nền kinh tế tại Việt Nam. Nội dung về Kinh tế được trình bày trong BCPTBV của các công ty chủ yếu là doanh thu, lợi nhuận, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, mức đóng góp cho ngân sách nhà nước. Đa số số báo cáo đều chưa nêu được tác động kinh tế gián tiếp từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến kinh tế của địa phương như làm thay đổi năng suất lao động, mức thu nhập địa phương, cải thiện điều kiện kinh tế ở những khu vực có tỷ lệ đói nghèo cao,…

Về Tiêu chuẩn GRI 300 – Chủ đề Môi trường, đây là chủ đề có mức độ công bố thông tin ở mức trung bình từ 31%-37% và có xu hướng tăng nhẹ trong 3 năm cụ thể năm 2017 tăng 2% so với 2016, năm 2018 tăng 4% so với 2017 cho thấy các công ty đã có sự chuyển biến tích cực trong việc công bố chỉ tiêu theo chủ đề môi trường. Một số công ty có lĩnh vực hoạt động khác nhau dẫn đến việc công bố thông tin về tác động đến các yếu tố môi trường cũng khác nhau. Các công ty thuộc lĩnh vực Chứng khoán, Ngân hàng, Bất động sản, Dịch vụ tài chính có mức độ công bố chỉ tiêu theo chủ đề GRI 300 ít hơn các công ty thuộc lĩnh vực Sản xuất, do các lĩnh vực này có ít tác động đến môi trường. Mặc dù GRI 300 là một khía cạnh quan trọng trong BCPTBV nhưng lại mất rất nhiều các chi phí để tính toán và công bố về mức độ ảnh hưởng tới môi trường, do đó khía cạnh này chỉ có một số công ty có sự đầu tư trong việc công bố như BVH, VNM, DHG, CTCP tập đoàn Mansan, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG, có mức độ công bố thông tin về GRI 300 ở mức cao. Nội dung tác động đối với môi trường chủ yếu là quy trình xử lý nước thải, chất thải, trồng cây xanh, cảnh quan môi trường trong công ty, số lần vi phạm về bảo vệ môi trường trong công ty, sáng kiến bảo vệ môi trường. Một số công ty đã đưa được nội dung về quản trị nhà cung cấp đối với PTBV như BVH, VNM hay DHG,..

Với Tiêu chuẩn GRI 400 – Chủ đề Xã hội, tỷ lệ công bố của các công ty ở khoảng 41%-47% và đang có xu hướng tăng mỗi năm, cụ thể năm 2017 tăng 3% so với 2016 và năm 2018 tăng 2% so với 2017. Đây là tỷ lệ không cao nhưng đã cho thấy các công ty đã có sự chuyển biến tích cực trong việc công bố thông tin xã hội như việc làm, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, các tiêu chí liên quan đến nhân quyền, chính sách đối với người lao động về cơ chế tuyển dụng, lương, thưởng, phúc lợi, văn hóa công ty gắn kết người lao động , bình đẳng giới trong công ty,…Các công ty đã trình bày được một số hoạt động đảm bảo phúc lợi cộng đồng như tài trợ các hoạt động thể thao, văn hóa, xây dựng nhà tình nghĩa, hoạt động khuyến học. BVH và VNM là hai công ty với công bố chỉ tiêu theo chủ đề Xã hội cao nhất (83%) trong số 15 công ty được khảo sát. Một số nội dung chưa xuất hiện như đánh giá nhà cung cấp về đối xử với người lao động, quyền của người bản địa, đánh giá nhà cung cấp về quyền con người, chống tham nhũng,.. BCPTBV của BVH và VNM vẫn là những báo cáo hàng đầu của Việt Nam và là mục tiêu cho các công ty khác học hỏi kinh nghiệm để lập BCPTBV có chất lượng hơn và thu hút nhà đầu tư.

Như vậy, qua tổng hợp số liệu từ BCPTBV theo Tiêu chuẩn GRI của 15 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán VN, nhóm nghiên cứu đã phân tích, đánh giá mức độ công bố thông tin theo Tiêu chuẩn GRI 102, GRI 103, GRI 200, GRI 300 và GRI 400 có trong báo cáo của các công ty trên và đi đến kết luận như sau:

Thứ nhất, phần lớn các báo cáo đều đã thể hiện rõ và có hệ thống các thông tin về PTBV cơ bản như các quy trình quản trị bao gồm đánh giá các vấn đề trọng yếu, các rủi ro, phản hồi và mong đợi của các bên liên quan, liên kết việc xây dựng các kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tăng cường tính bền vững, tích hợp chặt chẽ chiến lược PTBV vào chiến lược sản xuất kinh doanh,..

Thứ hai, hầu hết các báo cáo đã phân tích khá đầy đủ và chi tiết những ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội, một số ít các công ty đã có bước đi đáng khích lệ trong việc xem xét đến mô hình kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, xây dựng những kế hoạch và hành động cụ thể để hướng tới sự phát triển bền vững hiện tại và tương lai.

Thứ ba, hẩu hết các công ty đã duy trì và xây dựng Hội đồng PTBV trực thuộc Hội đồng Quản trị thể hiện sự quan tâm cao đối với các vấn đề phát triển bền vững, đánh giá ảnh hưởng đến PTBV của doanh nghiệp đặt trong bối cảnh liên kết đến 17 mục tiêu SDG của Liên hợp quốc vào BCPTBV bao gồm tăng trưởng về kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Thứ tư, về trình bày, các báo cáo đều được trình bày cấu trúc đơn giản, dễ hiểu và bám sát yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn GRI đồng thời sử dụng nhiều hình ảnh, bảng biểu và biểu đồ sinh động truyền tải rõ thông điệp và nội dung báo cáo.

Tuy nhiên, về mặt tổng thể hầu hết các báo cáo vẫn thiếu khá nhiều nội dung trọng yếu điển hình trong lĩnh vực của từng công ty. Cụ thể như sau:

Một số báo cáo nên cải thiện thêm các chỉ tiêu phấn đấu PTBV, công bố rõ ràng các lựa chọn của mình cho việc áp dụng các tiêu chuẩn báo cáo của GRI cũng như việc công bố phương pháp quản lý (GRI 103) đối với chủ đề trọng yếu được lựa chọn. Đồng thời, cần tăng cường các chỉ tiêu định lượng, so sánh của các thông tin bằng cách đưa ra các chỉ tiêu và so sánh các chỉ tiêu, chọn lọc những số liệu chủ chốt, có sự so sánh trực tiếp với các chỉ tiêu đề ra. Các công ty cần nỗ lực hơn nữa trong việc cập nhật các chính sách, chiến lược và mục tiêu PTBV ngắn, trung và dài hạn trên bình diện địa phương, vùng miền, quốc gia, khu vực và quốc tế khi mà mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc đã được đưa vào chương trình nghị sự của Chính phủ. Giữa các năm, nội dung báo cáo không có sự thay đổi lớn, chỉ có một vài con số, một vài chỉ tiêu thay đổi vì vậy các công ty cần tăng cường việc công bố các chỉ tiêu hơn nữa.

Như vậy, với sự tăng lên nhanh chóng của BCPTBV, các công ty nên lập BCPTBV riêng, cập nhật nhanh nhất sự đổi mới trong Bộ tiêu chuẩn GRI qua mỗi năm thay vì tích hợp với BCTN theo hướng dẫn GRI G4 như hiện nay.

**CHƯƠNG 3: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP.**

Tại VN, nhiều công ty đã tiên phong trong việc lập BCPTBV khi chưa có quy định pháp lý yêu cầu bắt buộc lập BCPTBV. Tuy nhiên, chất lượng báo cáo vẫn đang ở giai đoạn khởi đầu, chỉ có một số công ty lập BCPTBV có chất lượng sử dụng Tiêu chuẩn GRI. Vì vậy, để lập một BCPTBV có chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu từ phía các nhà đầu tư, các công ty cần học hỏi giải pháp và kinh nghiệm lập báo cáo của các quốc gia trên thế giới.

* 1. **Thực trạng chung về lập BCPTBV của khu vực trên thế giới.**

Theo VBCSD, (2014), hiện nay đã có trên 600 doanh nghiệp từ 65 quốc gia tham gia thực hiện BCPTBV, trong đó có 6 quốc gia có số lượng doanh nghiệp tham gia nhiều nhất là Úc, Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Phi, Mỹ. BCPTBV được lập nhiều nhất ở Châu Âu chiếm tỷ lệ 45%, sau đó là Châu Á, Bắc Mỹ, Mỹ Latinh, Châu Phi với tỷ lệ lập báo cáo dao động từ 5% - 18%. Đã có trên 30 quốc gia đưa ra 142 quy định pháp lý cho BCBV, trong đó 65% mang tính chất bắt buộc ví dụ như Nam Phi có quy định “KING CODE III”, Trung Quốc có “Hướng dẫn các Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện trách nhiệm xã hội”, Ấn Độ quy định Điều 47 trong Luật Công ty Trách nhiệm hữu hạn bắt buộc các công ty kinh doanh tài nguyên thiên nhiên phải ban hành các chương trình trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, Bồ Đào Nha áp dụng Chỉ số Bền vững Doanh nghiệp. Trong những năm gần đây BCBV đã trở thành chủ đề quan trọng trong các Chương trình nghị sự về PTBV của khu vực và thế giới.”

Biểu đồ 7 : Sự tăng trưởng của tổng số báo cáo trong 25 năm qua ở Châu Á - Thái Bình Dương, Châu Âu, Bắc Mỹ và Nam Mỹ:

*( Nguồn: Thông tin chi tiết từ Sàn giao dịch báo cáo: Xu hướng báo cáo ESG)*

Nhìn vào biểu đồ trên, có thể thấy rằng mức độ công bố số lượng BCPTBV của các công ty trên thế giới có sự cải thiện rõ rệt qua thời gian. Nhìn chung, khối Bắc Mỹ và Châu Âu có số lượng BCPTBV nhiều nhất, thấp nhất là khối Nam Mỹ. Thực trạng này đã thành chủ đề để các chuyên gia nghiên cứu tranh luận về phương pháp cải thiện mức độ áp dụng BCPTBV của các công ty trên thế giới.

Đầu năm 2020, một nghiên cứu mới mang tên “Phân tích dữ liệu về công bố Báo cáo phát triển bền vững trên khắp Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Á-Thái Bình Dương” phát hiện ra có 38% trong tổng số 1200 công ty S&P Global công bố những rủi ro biến đổi khí hậu, các công ty có doanh thu lớn hơn 1 tỷ đô la có sự công bố thông tin nhiều hơn so với các công ty nhỏ. Đồng thời, có đến 51% công ty công bố sự đảm bảo bên ngoài về thông tin PTBV.

Theo Liên minh châu Âu (EU), (2020), với phạm vi nghiên cứu hơn 1000 công ty tại châu Âu đã có những phát hiện chính về các vấn đề chung, chất thải sản xuất, đa dạng sinh học và bảo tồn hệ sinh thái, nhân viên và các vấn đề xã hội, quyền con người và chống tham nhũng. Vấn đề chung còn tồn đọng đó là chỉ có 22% các công ty cung cấp các chỉ số KPI (chỉ số hoạt động trọng yếu) của các công ty trong các báo cáo tóm tắt, trái ngược hoàn toàn với cách trình bày chỉ số tài chính. Vấn đề chất thải sản xuất ở mức báo động khi hầu hết các công ty cho rằng chất thải không ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các công ty. Nghiên cứu cho thấy ngoại trừ các công ty tài chính thì 90% các công ty có công bố thông tin liên quan đến chất thải trong báo cáo nhưng chỉ 24,9% xác định rủi ro có liên quan. Về vấn đề đa dạng sinh học và bảo tồn hệ sinh thái dường như các công ty không xem hoặc xem nhẹ tác động của vấn đề này đến hiệu quả kinh doanh với 63,9% các công ty không đề cập vấn đề này trong báo cáo. Về nhân viên, công bố bởi 95,5% các công ty nhưng chỉ tiêu chủ yếu là tiền lương lao động thuê ngoài. Mức độ công bố thông tin trong các vấn đề xã hội về chính sách và cam kết các bên liên quan đến thuế là tương đối thấp, trong 54,8% công ty báo cáo về tác động này thì chỉ có 19,3% công ty có cam kết cụ thể và dưới 10% công ty cung cấp thông tin về thuế thu nhập được phân chia theo quốc gia. Về quyền con người, chỉ có dưới 20% công ty báo cáo về các mục tiêu hoặc nhân quyền được tích hợp trong BCTN. Có đến 88,1% công ty báo cáo về chính sách chống tham nhũng nhưng chỉ có 33,7% mô tả cách thức thực hiện. Như vậy, nghiên cứu trên chỉ ra các thông tin chưa thực sự đáp ứng với yêu cầu báo cáo, điều này để lại những rủi ro tài chính lớn xuất phát từ những thách thức về tính bền vững.

Theo Trung tâm Năng lượng bền vững (CSE), 2017, báo cáo “Nghiên cứu hàng năm về xu hướng BCPTBV ở Bắc Mỹ 2017” với phạm vi 551 công ty ở Hoa Kỳ và Canada lập BCPTBV từ năm 2015 – 2016, nghiên cứu đã phân tích và so sánh các công ty lập BCPTBV có số điểm cao nhất trong CSRHub – cơ quan xếp hạng PTBV toàn cầu đã chỉ ra các lĩnh vực được đề cập nhiều nhất là Năng lượng và Tiện ích, Dịch vụ Tài chính, Thực phẩm&Đồ uống và Khai khoáng. Hầu hết các công ty xuất bản BCPTBV là các công ty đại chúng trong đó 79,2% ở Mỹ và 79% Canada và có đến 65% các công ty sử dụng báo cáo theo Tiêu chuẩn GRI. Tuy nhiên, bộ “Các mục tiêu PTBV” (SDGs) của Liên Hợp Quốc được áp dụng một cách chậm chạp, hầu hết các công ty mới chỉ dự kiến sẽ đưa SDGs vào chiến lược và kinh doanh trong 5 năm. BCPTBV tại Bắc Mỹ được cho là khá phổ biến tuy nhiên nhược điểm của báo cáo là chưa đưa được SDGs vào trong báo cáo của các công ty.

Theo Misha Ketchell, (2006), với phạm vi nghiên cứu là 100 công ty niêm yết Nam Phi trên Sở giao dịch chứng khoán Johannesburg cho thấy rằng việc sử dụng các Tiêu chuẩn trong ngành Dịch vụ tiêu dùng và Bất động sản còn thấp. Tại Nam Phi đã có 12 Sáng kiến báo cáo bao gồm các yêu cầu bắt buộc, hướng dẫn tự nguyện và các Sáng kiến được đặt ra bởi Chính phủ, sàn giao dịch chứng khoán địa phương và cơ quan quản lý thị trường. Như vậy BCPTBV tại Nam Phi có ưu điểm lớn là đã có sự can thiệp của Chính phủ trong việc lập báo cáo tuy nhiên do các chỉ tiêu tích hợp được sử dụng một cách hạn chế, điều này khiến khía cạnh thách thức hơn về tính bền vững bị bỏ qua.

Theo Anke Schradrer, (2019), thực trạng lập BCPTBV tại châu Á dẫn đầu là công ty Nhật Bản và Đài Loan. Nhìn chung, các báo cáo được cải thiện rõ ràng theo

Tóm lại, theo kinh nghiệm của Châu Âu, các công ty sản xuất cần công bố nhiều thông tin hơn về tình hình xử lý chất thải, hay cần xây dựng cho mình một hệ thống quản trị hiệu quả. Còn đối với Bắc Mỹ, việc công bố thông tin theo các lĩnh vực còn chưa cân bằng, các công ty cần đưa ra công bố mang tính đầy đủ hơn đối với tất cả lĩnh vực thay vì chỉ tập trung vào một số lĩnh vực như Năng lượng và Tiện ích, Dịch vụ Tài chính, Thực phẩm & Đồ uống và Khai khoáng. Kinh nghiệm của Châu Á thì cho thấy rằng, các nước có cơ sở nền tảng thấp cần đón đầu xu hướng PTBV của các quốc gia phát triển mạnh để tăng tính hiệu quả trong việc lập BCPTBV. Mặt khác, khu vực Châu Phi cần tăng cường triển khai và áp dụng BCPTBV hơn nữa để nâng cao tính PTBV trong khu vực nói riêng và toàn cầu nói chung. Có thể thấy, bên cạnh những cải tiến theo thời gian về việc lập BCPTBV đáng được ghi nhận thì vẫn còn tồn đọng nhiều vấn đề cần được giải quyết, nhất là sự khác biệt trong thiếu sót của từng khu vực. Chính vì thế, nhóm nghiên cứu đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm cần thiết để hướng tới nhiệm vụ chung của toàn cầu vào lúc này là phải đưa ra và thực hiện các giải pháp phù hợp trong việc áp dụng BCPTBV.

**3.2. Các giải pháp và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc lập Báo cáo phát triển bền vững**

Từ thực trạng toàn cầu trong công cuộc PTBV nói chung và trong việc lập BCPTBV nói riêng, nhận thấy rằng các công ty Việt Nam cần tìm hiểu và học hỏi kinh nghiệm quốc tế để áp dụng BCPTBV hiệu quả. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý Nhà nước cũng đóng vai trò hết sức quan trọng trong tiến trình xây dựng và nâng cao chất lượng BCPTBV, các cơ quan này cần nắm bắt tình hình cũng như xu hướng PTBV toàn cầu và mau chóng đón đầu, triển khai các chính sách phù hợp trong việc lập BCPTBV tới các công ty.

**3.2.1. Đối với các công ty niêm yết**

***Bài học kinh nghiệm đối với các công ty:***

Các công ty nên ý thức được rằng việc xây dựng BCPTBV là một quá trình làm việc nhóm với nhiều đầu mối chức năng nhằm thu thập và xử lý nhiều dữ liệu khác nhau, nhưng đáng để công ty đầu tư, bỏ công sức, vì nó mang lại lợi ích lâu dài, bền vững trong định hướng hoạt động của công ty.

Tuy việc thực hiện BCPTBV có thể phải trả giá bằng cách hy sinh lợi nhuận nhưng sự hy sinh này là cần thiết để tăng tính cạnh tranh của các công ty Việt Nam trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Muốn nâng cao năng lực cạnh tranh, từng công ty phải biết tận dụng các yếu tố cả tài chính và phi tài chính, trong đó yếu tố tài chính tạo nền tảng, yếu tố phi tài chính tạo nên sự khác biệt, linh hoạt và đa dạng để thích nghi với nhu cầu thị trường:

1. Có một số thông tin thiết yếu mà các công ty nên đưa vào để làm tăng hiệu quả cấu trúc của báo cáo. Đơn giản nhất là trong báo cáo phải thể hiện được đối tượng hướng đến là ai (cổ đông, nhà đầu tư hay cộng đồng...). Phạm vi báo cáo cũng cần nêu rõ, tức báo cáo được lập ra phản ánh phạm vi nào (có bao gồm các công ty con không, địa bàn hoạt động đơn lẻ hay nhiều cơ sở, có bao gồm nhà cung cấp không,…)
2. Trong báo cáo, cũng cần thông tin rõ người phụ trách liên lạc, cách thức liên lạc và ai là người chịu trách nhiệm thông tin để đảm bảo tính tin cậy. Những điều này giúp báo cáo rõ ràng, minh bạch hơn.
3. Dựa trên nguyên tắc về bối cảnh PTBV và sự tham vấn của các bên có liên quan, công ty cần xác định các lĩnh vực và ranh giới để xem xét đưa vào báo cáo. Các chủ đề cần đưa vào báo cáo chỉ khi chúng được xem là trọng yếu, phản ánh tác động kinh tế, môi trường, xã hội của công ty hoặc ảnh hưởng đến đánh giá của các bên có liên quan đối với công ty. Danh sách các lĩnh vực trọng yếu đưa vào báo cáo cần được nhà quản trị cấp cao trong nội bộ công ty phê duyệt trước khi thực hiện thu thập thông tin báo cáo. Các lĩnh vực trọng yếu cần được công ty công bố thông tin theo từng phần và theo các chỉ số của Bộ tiêu chuẩn GRI để báo cáo.
4. Một BCPTBV tốt cần có sự tham chiếu, các công ty có thể tham chiếu từng vấn đề mà mình đề cập với từng chỉ tiêu trong Bộ tiêu chuẩn GRI. Với sự hỗ trợ từ hệ thống Bộ tiêu chuẩn GRI, việc đo lường mức độ ảnh hưởng cho phép công ty theo dõi quá trình của họ trước các mục tiêu đầy thách thức nhưng thực tế. Các hệ thống thông tin tích hợp sẽ giúp nâng cao chất lượng BCPTBV. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn bài bản và nhất quán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư khi phân tích đánh giá thông tin về PTBV của công ty. Các nhà đầu tư thường muốn biết các rủi ro chính về PTBV là gì, các rủi ro đó được quản lý ở cấp độ điều hành hoạt động như thế nào và được giám sát ở cấp độ hội đồng quản trị ra sao. Ðiều quan trọng là các công ty minh bạch thông tin đến các bên liên quan về lộ trình của mình và chứng minh công ty thực hiện các bước trong lộ trình đó một cách rõ ràng, nhất quán. Có như vậy, các công ty sẽ học tập, giúp đỡ và có sự cạnh tranh nhau trong việc xây dựng BCPTBV.
5. Khi đã phát hành báo cáo và tiếp tục chuẩn bị cho kỳ báo cáo tiếp theo, công ty phải thực hiện bước rà soát báo cáo. Quy trình kiểm tra và rà soát nội bộ báo cáo có thể giải quyết những lỗi nhỏ về chính tả, cú pháp không đáng có. Trong một chừng mực nào đó, việc này cũng phản ánh độ tin cậy của quy trình lập báo cáo. Quá trình rà soát được thực hiện trên các lĩnh vực đã được đưa vào báo cáo, cần phát hiện những lĩnh vực trọng yếu mới cập nhật dựa trên bối cảnh phát triển toàn cầu, thu thập thông tin phản hồi từ các bên có liên quan cũng góp phần xác định các vấn đề báo cáo cho chu kỳ tiếp theo.
6. Để thích ứng kịp thời với sự phát triển của công nghệ 4.0 thì ngoài việc lập và công bố thông tin về BCPTBV trên các báo cáo bằng văn bản in ra như truyền thống thì các công ty nên sử dụng một trang web của mình và tạo nên một trang chuyên cung cấp các thông tin về PTBV. Bằng cách đó sẽ giúp cho báo cáo dễ tiếp cận người đọc hơn và bắt kịp xu hướng của thời đại. Hơn nữa, để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài thì BCPTBV nên được trình bày song ngữ thay vì tiếng Việt như hiện tại của một số công ty niêm yết.

Việc lập BCPTBV đang ngày càng trở nên thiết yếu, các công ty nên sớm áp dụng báo cáo và vận dụng các kinh nghiệm đi trước để có thể tiến hành thiết lập báo cáo một cách thuận lợi và đạt chất lượng nhất.

***Các giải pháp thiết thực đối với các công ty:***

Điều đầu tiên, muốn áp dụng BCPTBV thì các công ty phải hiểu được những điều kiện cốt lõi để có thể tham gia vào công cuộc PTBV toàn cầu. Những điều kiện đó bao gồm:

* Xác định rõ ràng mục tiêu kinh doanh của mình.
* Xây dựng cho mình một hệ thống quản trị hiệu quả.
* Xây dưng, duy trì văn hóa công ty, coi văn hóa công ty là cái cốt lõi, nền tảng phát triển.
* Quan tâm đến thương hiệu sản phẩm của mình và luôn luôn bảo vệ thương hiệu.
* Không ngừng đổi mới, sáng tạo để PTBV.

Khi đã nắm bắt được các điều kiện này, để tiến hành được một hệ thống công bố và đánh giá BCPTBV hiệu quả, những công đoạn cần thiết cần được chuẩn bị kĩ lưỡng:

1. Xây dựng và công bố lộ trình áp dụng BCPTBV tại các công ty Việt Nam. Dựa theo kinh nghiệm thế giới, cần có thời gian cho việc đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức về BCPTBV. Việc áp dụng BCPTBV tại công ty nên chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn tự giác và giai đoạn bắt buộc.

Đối với các công ty lớn:

* Giai đoạn tự giác: 2014-2016
* Giai đoạn bắt buộc: 2017 trở đi

Đối với các công ty vừa và nhỏ:

* Giai đoạn tự giác: 2014-2019
* Giai đoạn bắt buộc: 2020 trở đi

Các công ty lớn, các công ty và tập đoàn Nhà nước, các công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán và các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, những công ty có tác động lớn đến kinh tế – xã hội – môi trường, cần bắt đầu trước, các công ty vừa và nhỏ tiến hành sau.

1. Cần có sự chung tay của mỗi cá nhân, mỗi đơn vị trong công ty bằng ý thức và hành động có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội vì sự PTBV. Cụ thể, các lãnh đạo công ty cần thay đổi nhận thức tích cực hơn về PTBV cũng như để đảm bảo công ty thực sự PTBV. Muốn vậy cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố:

* Yếu tố ban đầu và quyết định nhất vẫn là tầm nhìn và thái độ của các lãnh đạo trong công ty. Lãnh đạo có tầm nhìn và tư duy đổi mới thì việc thực hiện PTBV sẽ thành công.
* Yếu tố tiếp theo mà các đơn vị tư vấn cần quan tâm là chiến lược và quản trị hệ thống. Một tổ chức PTBV phải vạch rõ chiến lược PTBV và xây dựng một hệ thống quản trị tốt để đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược về PTBV. Nhiều đơn vị mất khá nhiều thời gian vào việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý để thu thập, theo dõi và điều chỉnh các hoạt động liên quan đến PTBV.

Điều quan trọng nhất để các công ty niêm yết tại Việt Nam có thể thực hiện được BCPTBV đó là phải có sự cam kết của Ban lãnh đạo cấp cao của công ty về chiến lược PTBV. Chiến lược này được thực hiện hóa thông qua việc xây dựng và thực hiện mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội và môi trường.

1. Các công ty nên chủ động hơn trong việc cập nhật hướng dẫn mới về Bộ tiêu chuẩn GRI để làm báo cáo đạt chuẩn:

* Về vấn đề môi trường: Đây dường như là vấn đề đang được quan tâm nhất hiện nay. Những cam kết về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất cần được đặc biệt quan tâm. Trong vấn đề chất thải: Cần xác định rõ những ảnh hưởng của quá trình sản xuất đến môi trường như : khí thải, nước thải. Các con số cần được đo lường chính xác, có thể so sánh đánh giá được để xem xét về quá trình tuân thủ của công ty. Trong vấn đề đa dạng sinh học, đây là vấn đề hiện đang có rất ít thông tin công bố hiện nay, các công ty cần quan tâm đến vấn đề đa dạng sinh học trong quá trình khai thác và sản xuất đặc biệt là các ngành như du lịch khách sạn nghỉ dưỡng, các ngành khai khoáng.
* Về vấn đề con người và chính sách lao động: Vấn đề lương, chế độ phúc lợi cũng như số lượng nhân viên cần công khai rõ ràng, đặc biệt là những ảnh hưởng của việc làm liên quan đến sức khỏe hiện nay còn hạn chế trong việc công bố thông tin. Bên cạnh đó, các quy định về việc sử dụng lao động dưới độ tuổi vị thành niên cần có những cam kết rõ ràng.

Về vấn đề xã hội: Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta về thuế chưa thật sự hoàn hiện, nên vấn đề cam kết về các chính sách thuế cần đẩy mạnh, đặc biệt là các công ty hoạt động đa quốc gia.

* Về vấn đề chung:
* Tuân thủ quy trình lập báo cáo. Nhất thiết phải có sự tham vấn của các bên có liên quan trong quá trình xác định các vấn đề PTBV.
* Cần đưa ra các quy định chặt chẽ liên quan đến thông tin trong báo cáo. Như tính chính xác, các chỉ tiêu có thể đo lường được.
* Khuyến khích các công ty công bố tối đa các thông tin theo Bộ tiêu chuẩn GRI, công bố đủ về số lượng và chất lượng thông tin.
* Sẽ tốt hơn nữa nếu báo cáo có thêm các phân tích đơn giản về nguyên nhân, xu hướng thay đổi và được trình bày trực quan bằng biểu đồ, hình ảnh. Những điểm này công ty hoàn toàn có thể thực hiện ngay với đầu tư tối thiểu, nhưng lại làm tăng đáng kể chất lượng các chỉ tiêu của báo cáo.
* Thay vì chỉ nêu các tác động môi trường biến đổi khí hậu chung chung, các tác động chính (trực tiếp và gián tiếp) về kinh tế, xã hội, môi trường và các vấn đề kinh doanh nên được phát hiện, lượng hóa, xem xét và giải trình một cách logic và thuyết phục hơn. Do vậy các báo cáo nên đưa ra các chỉ tiêu trên đơn vị (theo đầu người, trên sản phẩm hoặc khối lượng sản phẩm…) và qua các năm để có thể so sánh.

Nhìn chung, chất lượng áp dụng chuẩn mực của báo cáo phải đảm bảo tính cân đối và tính so sánh. Đặc biệt, tăng cường sự giám sát của các bên có liên quan đối với BCPTBV của công ty thông qua Bộ tiêu chuẩn GRI là phương thức hữu hiệu để đảm bảo được chất lượng cũng như tính đạt chuẩn của báo cáo.

Tóm lại, đối với việc áp dụng BCPTBV cho các công ty Việt Nam, bởi đang còn là những bước đi mới mẻ nên cần chung sức cố gắng để từng bước một dần hoàn thiện chất lượng báo cáo nói riêng và sự PTBV toàn cầu nói chung. Đề xuất trong giai đoạn đầu yêu cầu BCPTBV không nhất thiết phải yêu cầu các công ty phải tuân theo Bộ tiêu chuẩn GRI nhưng phải đảm bảo báo cáo về ba vấn đề cốt lõi. Đặc biệt hạn chế những thông tin quy định mang tính dập khuôn, máy móc làm cho báo trở nên đơn điệu, đối phó và không có ý nghĩa.

**3.2.2. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước**

***Bài học kinh nghiệm đối với các cơ quan quản lý Nhà nước:***

Sự hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước, các tổ chức liên quan đến triển khai BCPTBV đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng báo cáo:

1. Việc cần làm thiết thực nhất là đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của mọi người về PTBV. Đặc biệt phải làm cho PTBV trở thành cách suy nghĩ của mọi cơ quan và tất cả những người chịu trách nhiệm lập kế hoạch và quản lý sự PTBV ở các cấp. Cách tiếp cận BCPTBV phải được cụ thể hoá thành các chính sách, biện pháp, tổ chức bộ máy thích hợp và có những công cụ hành chính, kinh tế, tài chính phù hợp để thực hiện. Làm tốt công tác giáo dục, truyền thông đồng nghĩa với việc hình thành phong trào tham gia của các tầng lớp nhân dân vào quá trình ra quyết định phương hướng phát triển, thực hiện và giám sát việc thực hiện các kế hoạch và quy hoạch đảm bảo các tiêu chí của BCPTBV.
2. Hãy quy định một loạt các can thiệp, hướng dẫn, xây dựng thống nhất, xây dựng năng lực, chia sẻ những phương pháp tốt nhất. Bằng cách đó, sẽ giải quyết được một số khó khăn đối với việc lập BCPTBV tại Việt Nam khi mà việc xây dựng BCPTBV vẫn là “câu hỏi lớn” tại các công ty ngày nay.
3. Việc xây dựng và công bố lộ trình áp dụng BCPTBV tại các công ty Việt Nam theo 2 giai đoạn: giai đoạn tự nguyện và giai đoạn bắt buộc sẽ đem lại sự thích ứng với việc công bố BCPTBV đối với các công ty. Giới thiệu các quy định và các cách tiếp cận tự nguyện đối với BCPTBV trong nhiều khuôn khổ pháp lý, như vậy sẽ tạo nên được các cơ hội để đạt được tính thống nhất, hoạt động truyền thông, hệ thống đánh giá và các kết quả tốt hơn.
4. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư có vai trò quan trọng giúp những công ty đang xây dựng BCPTBV tốt thì tiếp tục phát huy hơn nữa khả năng của mình, giúp những công ty xây dựng báo cáo chưa hoàn thiện cụ thể thì sẽ có sự tiến bộ hơn, những công ty chưa xây dựng báo cáo sẽ có những cân nhắc và tìm hiểu phương pháp xây dựng. Tất cả những điều đó sẽ giúp đáp ứng về phía nhà đầu tư và các bên liên quan, từ đó đem lại sự hiệu quả hoạt động của công ty, giúp công ty phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.

***Các giải pháp thiết thực đối với các cơ quan quản lý Nhà nước:***

1. *Đối với cơ quan nhà nước:*

* Chính phủ thể chế hóa việc lập BCPTBV trong hệ thống luật pháp Việt Nam, đưa vào Luật công ty, như một trách nhiệm có tính bắt buộc; đưa ra các cơ chế nhằm tạo ra sự phối hợp và quản lý chặt chẽ giữa cơ quan hoạch định chính sách, cơ quan giám sát và công ty trong việc thực hiện BCPTBV.
* Ban hành thống nhất giữa các chuẩn mực và các phương pháp báo cáo đối với từng nhóm ngành, điều này giúp cho người chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo trong từng đơn vị có thể hiểu và phản ánh rõ được những chuẩn mực mà họ được yêu cầu trình bày.
* Cần xây dựng bộ chỉ số PTBV, cụ thể là Bộ tiêu chuẩn GRI đang được áp dụng ngày càng phổ biến tại Việt Nam. Tiến hành xếp hạng PTBV công ty hàng năm, hỗ trợ các công ty và tổ chức đang thực hiện BCPTBV và xây dựng trên khung báo cáo đã có.

1. *Về phía nhà đầu tư và các bên liên quan:* Các nhà đầu tư đóng vai trò quan trọng trong việc tác động đến thái độ, ý thức và trách nhiệm lập BCPTBV của các công ty thông qua:

* Cung cấp cho các công ty những phản hồi về chất lượng và nội dung báo cáo.
* Tổng hợp những cân nhắc dài hạn về mặt môi trường, xã hội và quản lý vào những quyết định đầu tư hay không đầu tư.
* Ưu tiên phân bổ nguồn lực tới các công ty có những tác động bền vững tích cực tới môi trường và xã hội.

1. *Đối với các trường đại học:*

* Các trường đại học kinh tế cần đưa nội dung liên quan đến BCPTBV trong chương trình đào tạo bậc đại học, cao học và tiến sĩ để giúp chúng ta đào tạo nguồn nhân lực, từ đó quản lý và thực hiện tốt BTBV trong công ty, thúc đẩy sự PTBV của các công ty tại Việt Nam.
* Tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề liên quan tới tác động của công ty đến kinh tế, môi trường và xã hội cũng như đạo đức kinh doanh để nâng cao nhận thức về vấn đề trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh.

1. *Đối với các công ty kiểm toán:* Cuối cùng là sự đảm bảo từ bên thứ ba, Sáng kiến báo cáo toàn cầu GRI cũng khuyến khích các công ty sử dụng bảo đảm từ bên ngoài. Hiện nay ngoài một số ít công ty lập BCPTBV riêng có sự bảo đảm từ bên thứ ba như Tập đoàn Bảo Việt (BVH), công ty tiên phong trong việc thực hiện bảo đảm độc lập BCPTBV, theo sau đó là Công ty Vinamilk (VNM) đều được thực hiện kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers (PwC) Việt Nam thì còn lại hầu hết các công ty chưa có sự kiểm toán BCPTBV từ bên ngoài.

* Lợi ích khi được kiểm toán:
* Kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới cho thấy, BCPTBV được kiểm toán sẽ tăng mức độ tin cậy, tính minh bạch và chuyên nghiệp trong hoạt động giúp công ty nâng cao uy tín và danh tiếng trong mắt các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.
* Ông Nguyễn Quang Phi - Nguyên Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt cho rằng, việc tiên phong trong lập BCPTBV, đồng thời đi đầu trong việc kiểm toán báo cáo này tại Việt Nam sẽ hỗ trợ Bảo Việt trong minh bạch hóa các thông tin phi tài chính, cung cấp cho nhà đầu tư và các bên quan tâm góc nhìn bao quát, mang tính chiến lược về toàn bộ hoạt động của công ty. Đây cũng là yếu tố tích cực, góp phần hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Chính phủ và định hướng phát triển thị trường vốn xanh của Bộ Tài chính.
* Theo bà Đinh Thị Quỳnh Vân - Tổng giám đốc PwC Việt Nam, việc công ty tìm kiếm đảm bảo của bên thứ ba độc lập là một bước đi phù hợp và đúng đắn, góp phần xây dựng niềm tin và sự tín nhiệm của các bên liên quan, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua cải thiện quy trình, quản lý rủi ro và nắm bắt cơ hội. Trong dự án thực hiện đảm bảo đối với BCPTBV của Bảo Việt, PwC sẽ hỗ trợ rà soát quy trình, đưa ra các kiến nghị và cung cấp đảm bảo cho báo cáo, nhằm giúp công ty này thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững.
* Thực tế, nếu việc kiểm toán cho BCPTBV trở nên phổ biến sẽ đặt ra yêu cầu phải có những hướng dẫn liên quan, cũng như các điều kiện cần thiết đối với đơn vị kiểm toán. Ngoài ra, không phải hãng kiểm toán nào cũng đáp ứng được nhu cầu của công ty, nhất là các công ty lớn, vì có đơn vị kiểm toán chưa có bộ phận tư vấn PTBV, có đơn vị không có sẵn cán bộ để tư vấn về PTBV.

Tóm lại, từ những kinh nghiệm còn thiếu sót của các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như bộ phận ban hành và triển khai BCPTBV ở các nước trên thế giới, Việt Nam nhận thấy rằng phải nhanh chóng hình thành cơ chế theo dõi, thu thập, giám sát và công bố rộng rãi thông tin về quá trình thực hiện những nội dung của định hướng chiến lược PTBV. Đồng thời, cần có những biện pháp khuyến khích và tạo cơ chế để lôi kéo cộng đồng cùng tham gia vào tiến trình thực hiện, kiểm tra, theo dõi và đánh giá những kết quả thu được. Chỉ có sự đồng lòng nỗ lực của tất cả các bộ phận trong tiến trình PTBV thì BCPTBV mới phát huy được hết vai trò của nó. Có như vậy, những hoạt động, những đóng góp của các công ty mới thật sự mang đúng ý nghĩa của PTBV.